



Công ty cổ phần Lilama 45.4

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

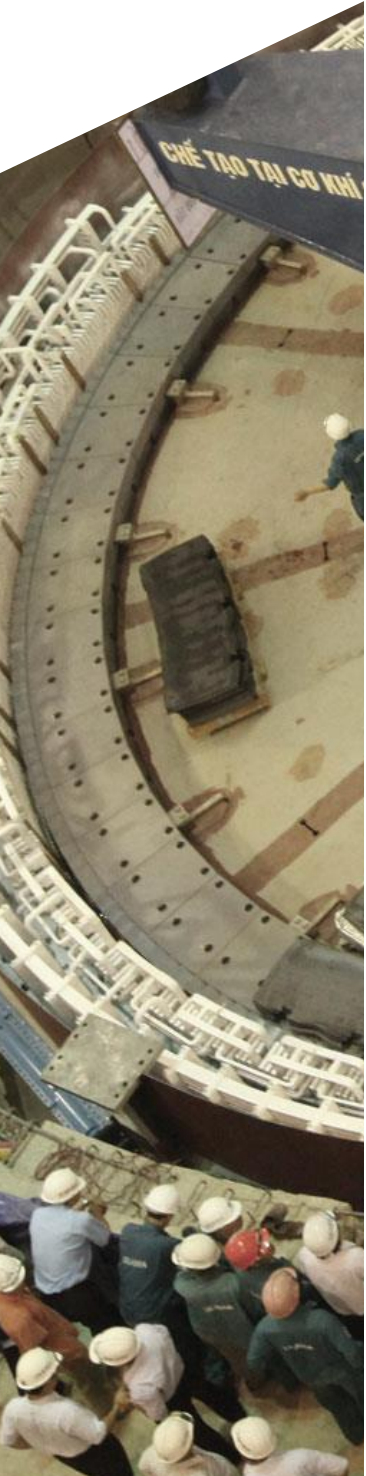
Số điện thoại: (061) 3 838 188

Website: www.lilama454.com.vn



Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam

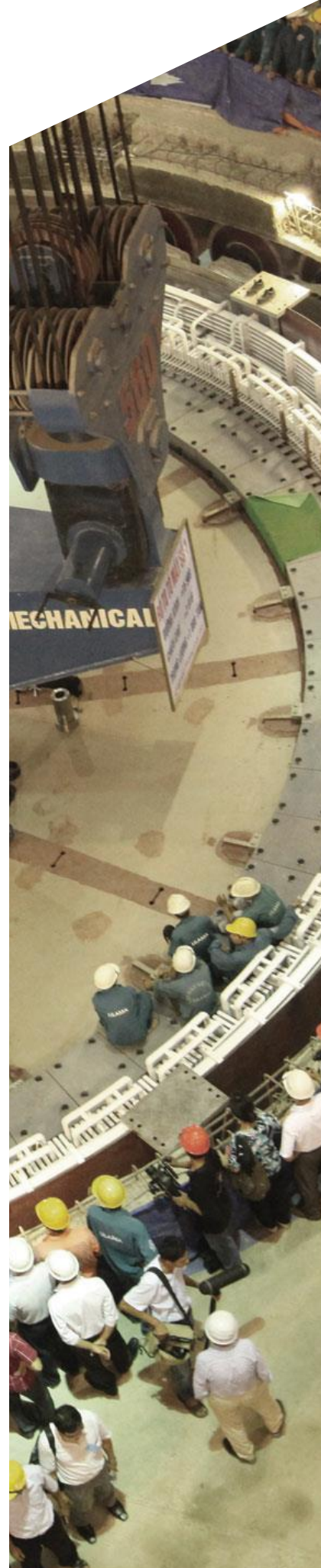
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4



2014



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN





THÔNG TIN CHUNG



Thông tin doanh nghiệp

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4**

Tên tiếng Anh: LILAMA 45.4 Joint Stock Company

Tên viết tắt: LILAMA 45.4 JSC

Logo:



Giấy CNĐKDN số: **3600255703** do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14/08/2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 11/02/2015

Vốn điều lệ: **40.000.000.000 đồng** (Bốn mươi tỷ đồng)

Vốn đầu tư chủ sở hữu: **40.000.000.000 đồng** (Bốn mươi tỷ đồng)

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (061) 3 838 188

Số fax: (061) 3 838 008

Email: Lilama454vnn@vnn.vn

Website: www.lilama454.com.vn

Mã cổ phiếu: L44



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 45.4 (L44) là một doanh nghiệp hạng I thuộc Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA) chuyên nhận thầu xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước. Thành lập từ năm 1979 đến nay Công ty đã tham gia lắp đặt hàng trăm công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước, đã và đang đưa vào sử dụng đạt chất lượng cao. 35 năm hoạt động và phát triển, Công ty Lilama 45.4 luôn giữ được tín nhiệm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước về chất lượng, tiến độ thi công và các dịch vụ bảo hành, bảo trì chu đáo. Những cột mốc đánh dấu sự trưởng thành trong chặng hành trình chinh phục thành công:

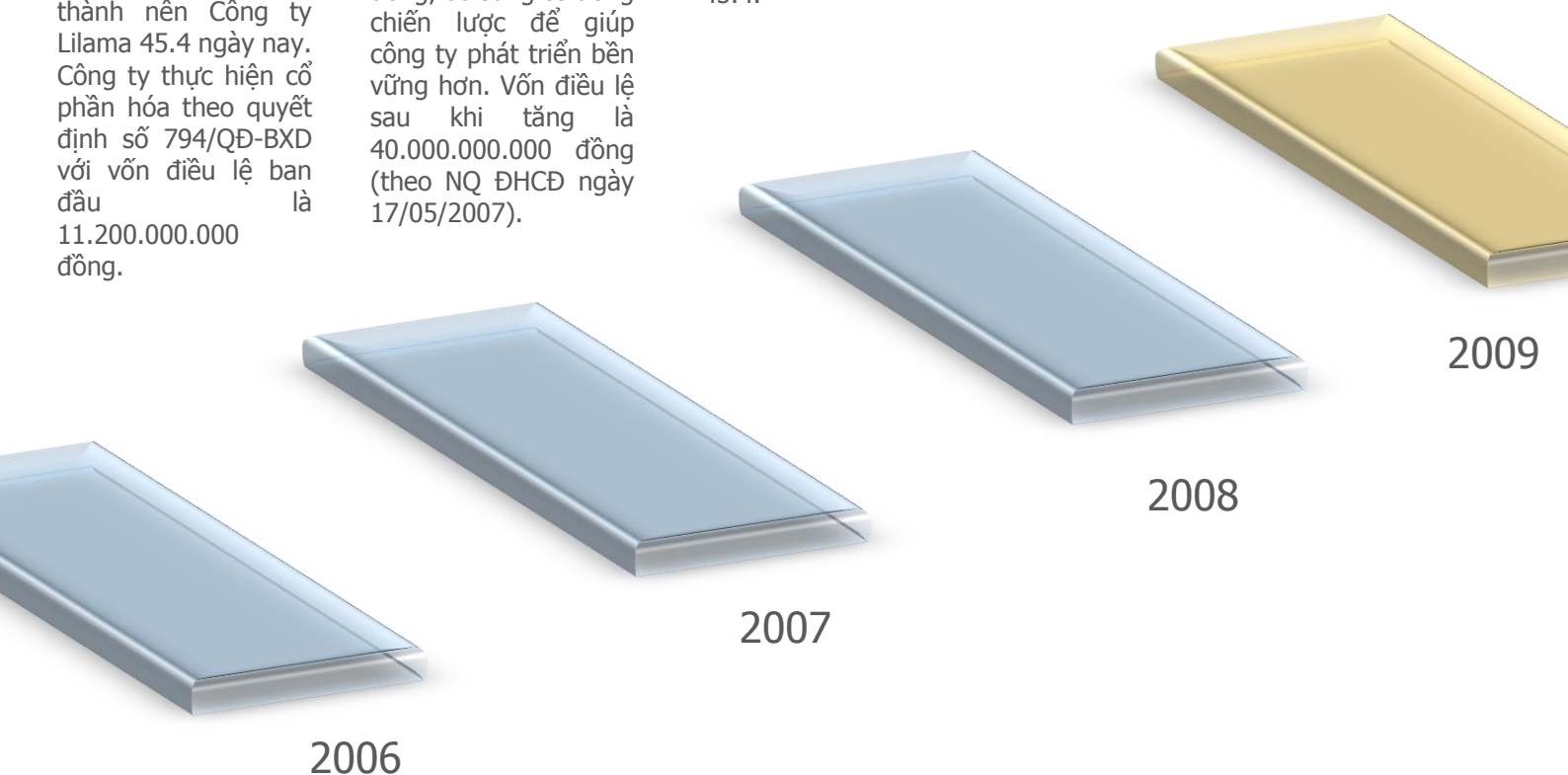
Ngày 17/05/2006 đánh dấu mốc quan trọng trong sự hình thành nên Công ty Lilama 45.4 ngày nay. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 794/QĐ-BXD với vốn điều lệ ban đầu là 11.200.000.000 đồng.

Công ty lần đầu tiên tăng vốn điều lệ, cũng là một cột mốc quan trọng trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu cổ đông, bổ sung cổ đông chiến lược để giúp công ty phát triển bền vững hơn. Vốn điều lệ sau khi tăng là 40.000.000.000 đồng (theo NQ ĐHCĐ ngày 17/05/2007).

Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận cúp vàng ISO 9001. Các chứng chỉ chất lượng này thể hiện sự lớn mạnh và trên hết là tính chuyên nghiệp ngày càng tăng của thương hiệu Lilama 45.4.

Cổ phiếu của Lilama 45.4 được chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán HOSE với mã L44 là một bước tiến mới trong việc thực hiện đại chúng hóa và quảng bá mạnh mẽ thương hiệu Lilama 45.4.

- ❖ Mã CK: L44
- ❖ Vốn điều lệ: 40.000.000.000 VNĐ
- ❖ Khối lượng niêm yết: 4.000.000 cổ phiếu

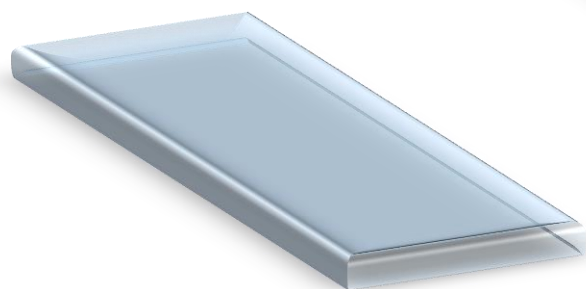


Tháng 8 năm 2011 ký kết hợp đồng với công ty PTSC- Công ty cổ phần dịch vụ Cơ khí Hàng Hải để triển khai dự án Biển Đông trị giá 3 triệu USD.

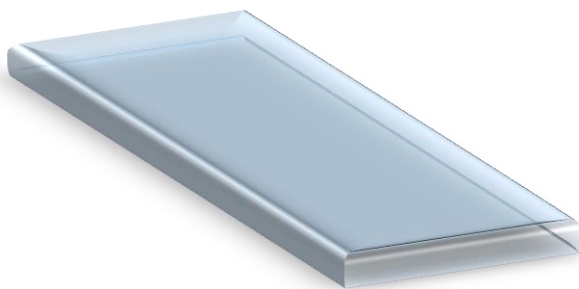
Ký kết thành công dự án điện gió Bạc Liêu trị giá 40 tỷ đồng với Công ty TNHH xây dựng Thương mại dịch vụ du lịch Công Lý.

Góp phần giúp Tổng công ty lắp máy Việt Nam đạt giải thưởng vàng duy nhất của Asian Power Awards 2012 về lĩnh vực "Dự án nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất" cho dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2, công suất 750MW, trị giá 700 triệu USD.

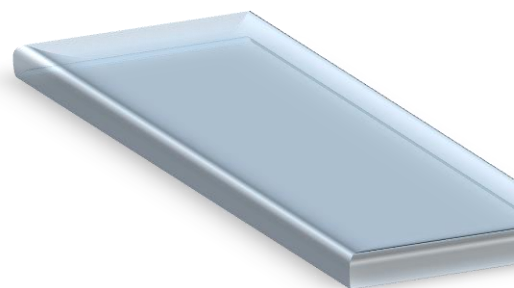
Với yêu cầu thực tiễn đặt ra, năm qua Công ty đã tiến hành xây dựng phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh gọn bộ máy, định hướng lại ngành nghề hoạt động, phương thức tổ chức sản xuất mới, rà soát quy trình hoạt động, cơ cấu nhân sự, tăng hiệu quả quản trị công ty.... Đề án đặt ra lộ trình thực hiện hướng đến năm 2020.



2011



2012



2014

Các giải thưởng, bằng khen

- ❖ Đạt cúp vàng ISO 2007
- ❖ Chứng nhận ISO 9001:2000
- ❖ Huân chương Độc lập hạng Ba
- ❖ Huân chương Lao động hạng Nhất
- ❖ 7 Huân chương Lao động Nhất-Nhì-Ba cho cá nhân và tập thể Lilama 45.4
- ❖ Đạt danh hiệu Anh hùng Lao Động
- ❖ 7 Giấy khen Huy chương vàng Chất lượng cao ngành xây



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Khảo sát, tư vấn xây dựng và công trình dân dụng, công nghiệp (trừ tư vấn thiết kế xây dựng)
- Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: VLXD, giấy, chế biến lương thực và thực phẩm.
- Mua bán, xuất nhập khẩu VLXD, thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ.
- Chế tạo, lắp đặt đường ống hạ áp, trung áp, cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí)
- Xây dựng, lắp đặt công trình công nghiệp, dây chuyền công nghệ máy móc, đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế.
- Sản xuất và kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, điện máy, hóa chất, vật liệu điện, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, phế liệu xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp, vật liệu xây dựng, đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa,...



Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính của Công ty nằm tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa bàn kinh doanh: Do đặc thù của công ty là kinh doanh xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng, nên công ty có địa bàn hoạt động thay đổi tùy theo từng dự án cả trong nước và ngoài nước. Nhưng địa bàn kinh doanh chính của Công ty là trong lãnh thổ nước Việt Nam.



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thông qua các chủ trương, chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cụ thể trong năm:

Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm;

- Kiểm tra báo cáo tài chính năm;

- Nhận xét, đánh giá công tác điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD, các nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT trong năm.

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

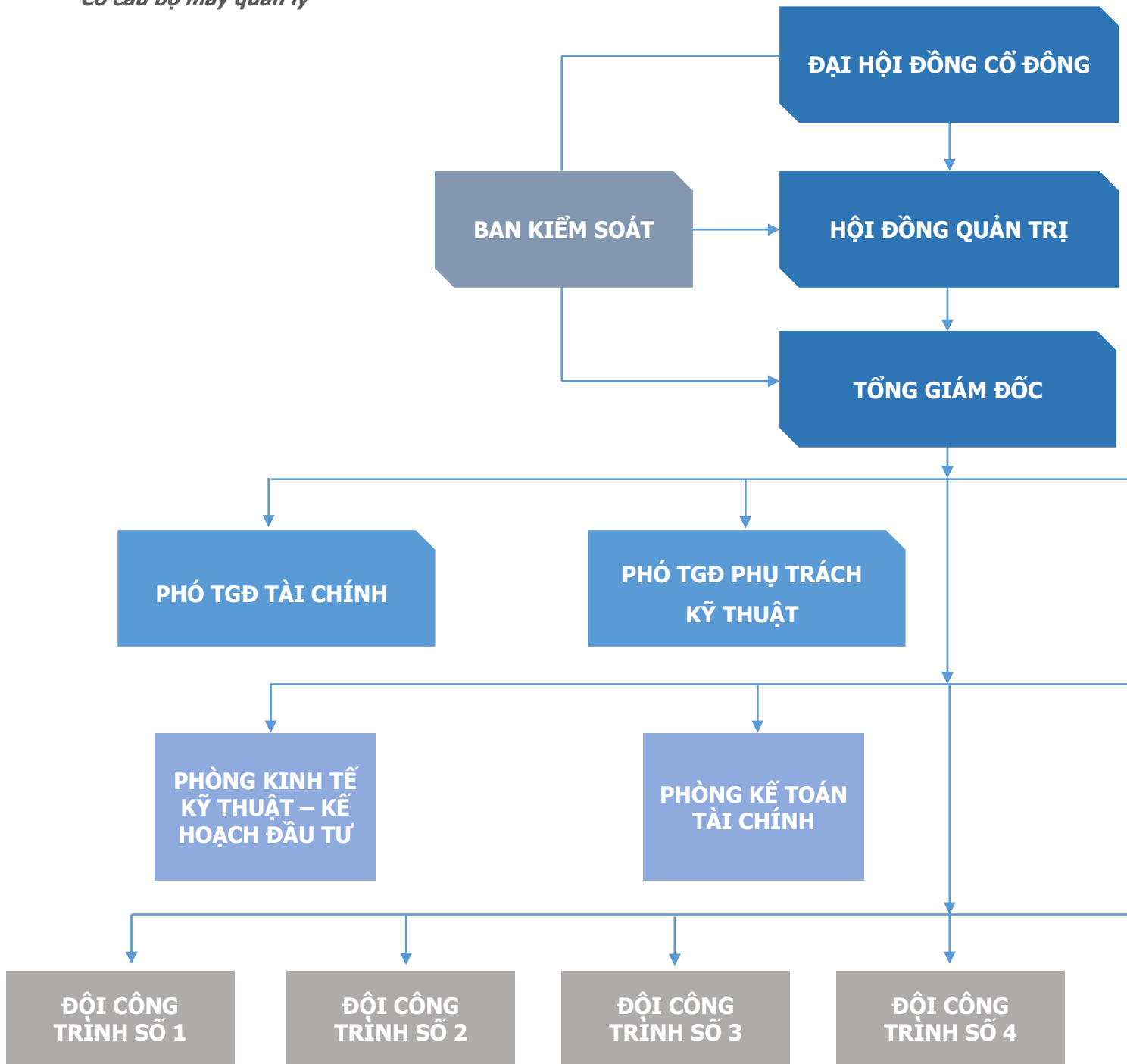
Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, với cơ cấu hiện nay, Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên do ĐHCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty Quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

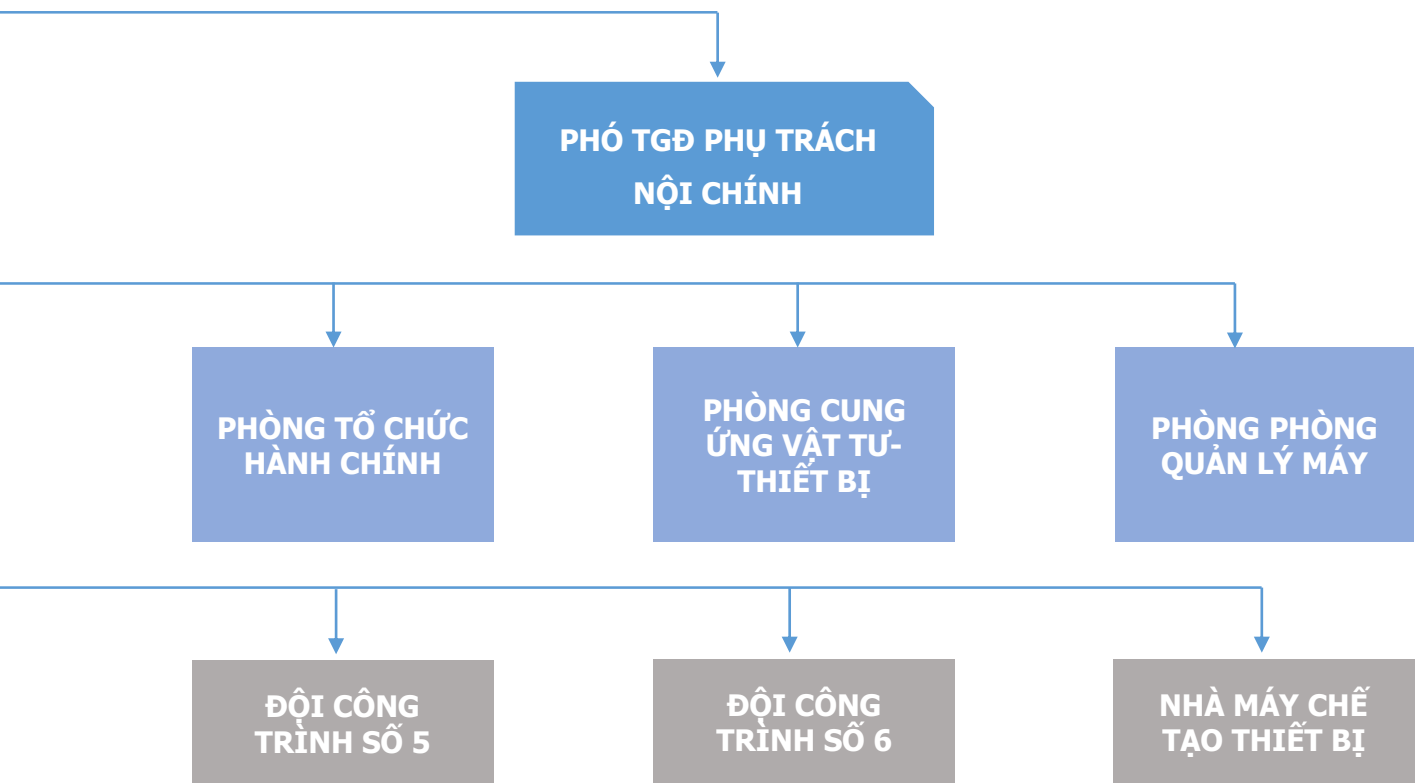
HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Mọi quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT được Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty quy định

Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHCĐ và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tất cả các hoạt động theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật. Các Phó Tổng Giám đốc được sự phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác lãnh đạo, điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật trong phạm vi được phân công và ủy quyền.

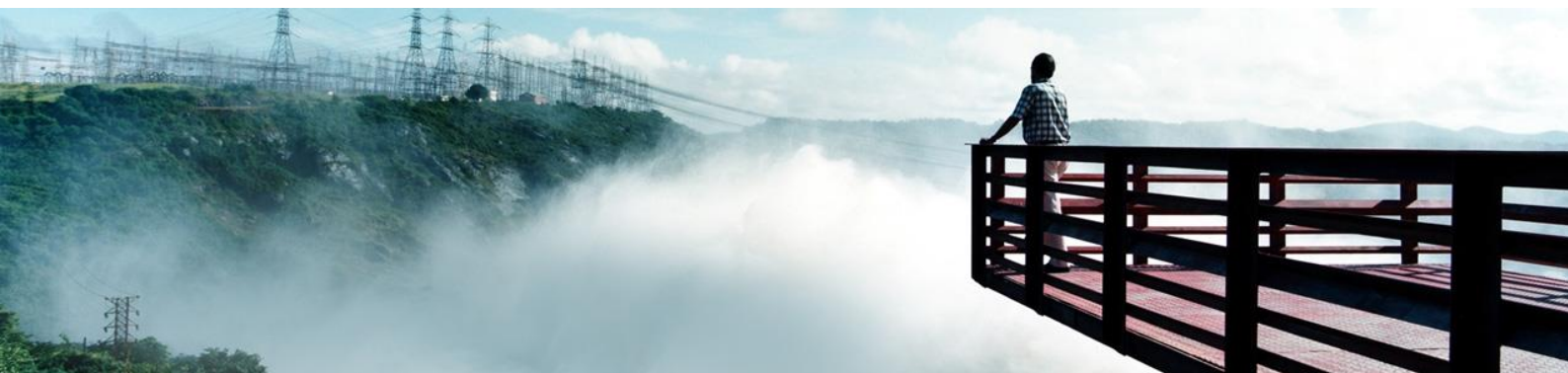


Cơ cấu bộ máy quản lý





Định hướng phát triển



Mục tiêu phát triển

- ❖ **Đối với thị trường:** Cung cấp các dịch vụ xây lắp, sản phẩm cơ khí chế tạo, dịch vụ đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình công nghiệp đạt chất lượng và giá cả cạnh tranh.
- ❖ **Đối với cổ đông và đối tác:** Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển; cam kết đồng hành cùng các đối tác trên con đường phát triển; đối với cổ đông Công ty phấn đấu đem lại mức cổ tức tăng trưởng qua từng năm; luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững.
- ❖ **Đối với CBCNV:** Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và văn hóa; tạo điều kiện nâng cao thu nhập và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả cán bộ công nhân viên.
- ❖ **Đối với xã hội:** Kết hợp hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân.
- ❖ **Đối với môi trường:** Tiết kiệm năng lượng tối đa, hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Tâm nhìn

- ❖ Lilama 45.4 phấn đấu trở thành nhà thầu chuyên nghiệp trong ngành xây lắp.
- ❖ Đạt giá trị doanh thu năm 2020 là khoảng 363 tỷ đồng, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động toàn Công ty.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với quy mô của một doanh nghiệp vừa và nhỏ, Lilama 45.4 sẽ lấy hoạt động xây lắp, chế tạo là lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng tâm và tập trung củng cố, phát triển các nguồn lực sẵn có nhằm khai thác thị trường hiện có cũng như thâm nhập các phân khúc thị trường mới đối với mảng chế tạo, bảo trì bảo dưỡng cho các khu công nghiệp, các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong khu công nghiệp...

Bên cạnh việc tập trung nguồn lực (con người và cơ sở vật chất) để củng cố vị thế và thương hiệu trong lĩnh vực hoạt động truyền thống hiện nay như lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện gió...; Lilama 45.4 cũng đang hướng đến tận dụng nguồn lực sẵn có

để khai thác thêm mảng cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong các khu công nghiệp các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Theo đó, việc trọng tâm hóa thị trường sẽ ít nhiều giúp Công ty khắc phục được hạn chế về vốn, cơ sở vật chất cũng như con người nhờ vào việc tận dụng nguồn lực của Công ty cũng như tranh thủ uy tín với các đối tác hiện tại trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, phong điện,...

Định hướng mục tiêu này hứa hẹn sẽ giúp Công ty đạt được vị thế vững chắc trong ngành nghề truyền thống của mình cũng như tận dụng nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng thị trường để hướng tới vị trí các doanh nghiệp xây lắp uy tín trong và ngoài nước.



Các rủi ro

Rủi ro chung của nền kinh tế

Cũng như tất cả các doanh nghiệp khác trong ngành, chu kỳ kinh doanh của công ty luôn có mối tương quan mật thiết với chu kỳ của nền kinh tế.

Trong năm qua, lạm phát đã giữ được ổn định và ở mức thấp nhất trong vòng 15 năm qua, chỉ số CPI chỉ tăng trung bình 3.95%. Tốc độ tăng trưởng GDP cũng được cải thiện so với năm trước. Tuy nhiên tình hình kinh tế thế giới vẫn đang gặp nhiều bất ổn và chưa có dấu hiệu hồi phục rõ rệt. Tốc độ tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc cũng như những lo ngại về sự đổ vỡ của khu vực đồng tiền chung châu Âu nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới cũng như của Việt Nam trong giai đoạn sắp tới.

Nhu cầu xây dựng công nghiệp bị ảnh hưởng bởi yếu tố tăng trưởng của nền kinh tế khá nhiều. Trong năm tới, dự kiến mảng này sẽ được hỗ trợ bởi các thông tin lãi suất ngân hàng, sự mở rộng đầu tư của các doanh nghiệp, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế của chính phủ.

Giải pháp

Công ty vẫn cố gắng duy trì mối quan hệ lâu dài, tin cậy với các chủ thầu, đối tác truyền thống, không ngừng tìm kiếm các bản hợp đồng mới nhằm ổn định và không ngừng phát triển cơ cấu doanh thu của mình.

Rủi ro cạnh tranh

Nền kinh tế hội nhập với Thế giới trong những năm gần đây đã mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước về thị trường tiêu thụ, đối tác, nguồn cung cấp nguyên vật liệu, cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh... tuy nhiên, thách thức đặt ra cũng không hề nhỏ khi các doanh nghiệp cùng gia nhập vào một sân chơi với quy mô đầu tư lớn, kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên các nước.

Sắp tới nếu hiệp định TPP được ký kết. Nền kinh tế Việt Nam lại càng hội nhập sâu hơn với nền kinh tế khu vực và thế giới. Llama 45.4 luôn ý thức được sự cạnh tranh khốc liệt từ cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Giải pháp

Đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, giữ vững uy tín trong mọi hoạt động nhằm tạo dựng và duy trì niềm tin với khách hàng.

Nâng cao năng lực quản trị, năng lực thi công sản xuất, đào tạo nhân sự đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay và yêu cầu của khách hàng.

Mở rộng mối quan hệ với các đối tác, thúc đẩy công tác thị trường, tăng khả năng tìm kiếm khách hàng tiềm năng.



Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường thay đổi làm ảnh hưởng tới chi phí lãi vay hoặc lợi tức nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty. Hiện nay, để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các công trình, công ty đã sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Do đó lãi suất biến động làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giải pháp

Để hạn chế rủi ro này, Công ty theo dõi chặt chẽ tình hình các thị trường có liên quan, động thái của cơ quan quản lý trong việc điều hành thị trường tài chính tiền tệ nhằm đưa ra chính sách quản lý giới hạn rủi ro này.

Rủi ro tín dụng

Đặc điểm của ngành xây dựng thường tồn tại các rủi ro do việc khách hàng chậm thanh toán hoặc mất khả năng thanh toán gây ra. Trong trường hợp này, kết quả kinh doanh của công ty có thể bị ảnh hưởng do vòng quay vốn chậm, tăng các chi phí liên quan để thu hồi công nợ thậm chí tổn thất về tài chính.

Ngoài ra các khoản tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác cũng chứa đựng rủi ro này, tuy nhiên, xét về tỷ trọng trong tài sản của Công ty thì các khoản này không nhiều.

Giải pháp

Thường xuyên theo dõi công nợ, phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện đối với từng khách hàng, cử cán bộ liên lạc với khách hàng để tìm hiểu nguyên nhân chậm thanh toán để đưa ra giải pháp hợp lý và xem xét đến giải pháp về pháp lý nếu cần thiết.

Rủi ro đặc thù

Các vấn đề mưa lũ, hỏa hoạn, thiên tai, ... là rủi ro hầu như không thể lường trước và nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Hiện nay các công trình ty của Công ty phần lớn là dự án thủy điện, do đó yếu tố thời tiết cũng ảnh hưởng lớn đến công tác thi công.

Cũng với yếu tố đặc thù thi công về các dự án thủy điện, công ty đang chịu nhiều sự chi phối về mặt chính sách của Nhà nước, gây tác động trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận, thị phần của công ty

Giải pháp

Để giảm thiểu tác động của những rủi ro này, Công ty đã tổ chức các lớp an toàn lao động, sơ cấp cứu, nâng cao kỹ năng ứng phó với các tình huống rủi ro cho CBCNV, đặc biệt là lực lượng thi công công trình.

Ngoài ra để giảm thiểu rủi ro liên đến các chính sách hạn chế phát triển Thủy điện, Công ty đang dần chuyển sang thị trường nhiệt điện, năng lượng sạch, nhà máy nước,...



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ TH/ KH 2014	Tỷ lệ TH 2014/2013
Giá trị sản lượng	Triệu đồng	308.480	325.000	287.185	88,36%	93,10%
Doanh thu	Triệu đồng	221.515	240.000	192.378	80,16%	86,85%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	2.740	3.500	1.003	28,65%	36,60%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	40.000	40.000	40.000	100,00%	100,00%
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	%	7%	8,75%	2,51%	28,65%	36,60%
Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu	%	1%	1,46%	0,52%	35,74%	52,13%
Nộp NSNN	Triệu đồng	5.859	9.200	5.399	58,68%	92,15%
Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	5,763	5,800	6,150	106,04%	106,72%
Dự kiến chia cổ tức	%	3%	0%	0%	-	-
Đầu tư XDCB	Triệu đồng	-	2.500	1.080	43,21%	-

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2014 vừa qua gặp nhiều khó khăn. Doanh thu thực hiện chỉ đạt 80.16% so với kế hoạch đề ra giảm hơn 29 tỷ đồng so với năm trước. Điều này khiến các chỉ số lợi nhuận đều sụt giảm trong năm mặc dù Công ty đã cố gắng cắt giảm các khoản chi phí hoạt động không hiệu quả. Cơ cấu doanh thu không có sự thay đổi so với các năm khi tỷ trọng doanh thu từ hoạt động xây lắp chiếm trọn 192 tỷ đồng doanh thu mà công ty ghi nhận.

Về mặt chi phí, khoản nợ ngắn hạn đã giảm hơn 20 tỷ so với năm trước nên chi phí lãi vay trong năm giảm 4.1 tỷ đồng, ngoài ra Công ty đã giảm thiểu tối đa các chi phí vận hành không cần thiết nên đã giảm chi phí quản lý doanh nghiệp 1.5 tỷ đồng.

Tuy còn gặp nhiều khó khăn, công ty vẫn nỗ lực đảm bảo thực hiện đúng và đủ các chế độ chính sách cho CBCNV yên tâm thực hiện công tác. Thu nhập bình quân trong năm tăng vì thực hiện tăng lương tối thiểu theo quy định.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

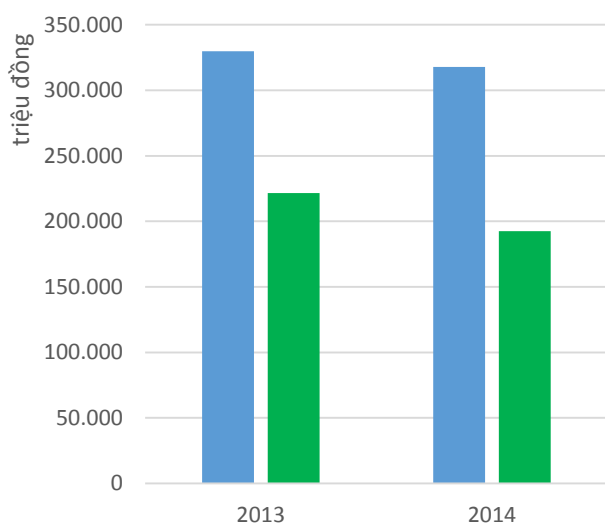
Công ty không có công ty con, công ty liên kết, đồng thời không thực hiện đầu tư lớn trong năm.

Tình hình tài chính

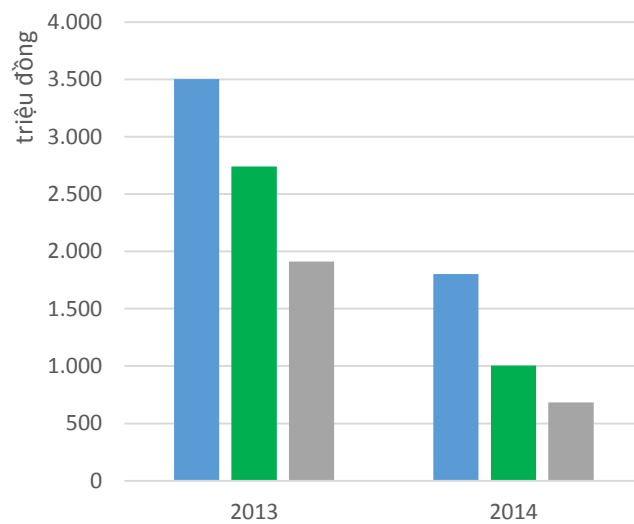
Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	2013	2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	329.856.440.062	317.882.919.200	-3,63%
2	Doanh thu thuần	221.514.778.979	192.378.332.563	-13,15%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	3.502.001.607	1.801.538.402	-48,56%
4	Lợi nhuận khác	(761.939.312)	(798.739.805)	4,83%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.740.062.295	1.002.798.597	-63,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.910.730.548	682.144.047	-64,30%
7	Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá (%)	3%	0%	-



■ Tổng giá trị tài sản ■ Doanh thu thuần



■ LN từ HĐKD ■ LN trước thuế ■ LN sau thuế



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

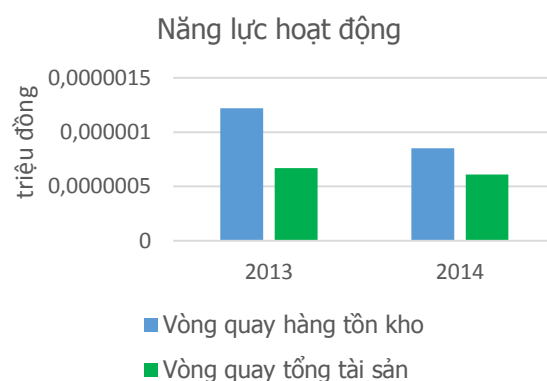
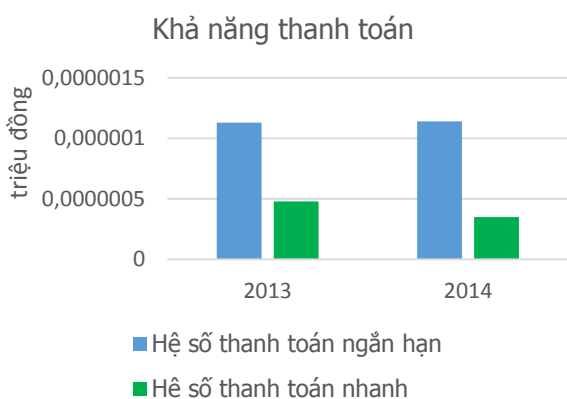
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2013
1	Khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,14	1,13
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,35	0,48
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	81,56%	82,01%
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	442,40%	455,82%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,85	1,22
-	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,61	0,67
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,35%	0,86%
-	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,16%	3,22%
-	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,21%	0,58%
-	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,94%	1,58%



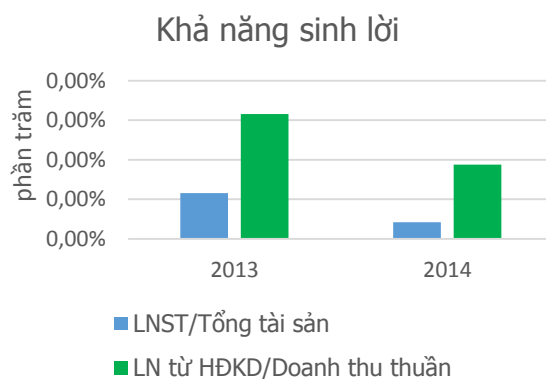
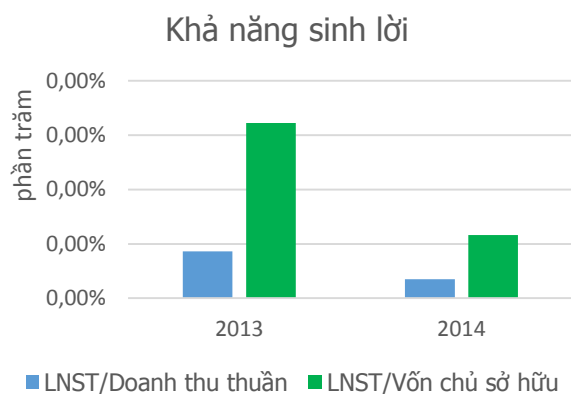
Khả năng thanh toán của công ty giảm nhẹ do cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều giảm, riêng hàng tồn kho đã tăng 16,9% so với năm trước làm cho hệ số thanh toán nhanh giảm 0,48 lần xuống còn 0,35 lần.

Nợ vẫn tiếp tục là nguồn vốn tài trợ chính trong hoạt động của công ty và toàn bộ là nợ ngắn hạn. Trong cơ cấu tài sản, nợ chiếm 81,56% trong năm qua, giảm nhẹ so với năm trước vì công ty đã thanh toán xong một số khoản tín dụng tương đương 11,2 tỷ, làm tổng nợ giảm nhẹ 4,15% so với cùng kỳ. Ngoài ra, tổng tài sản cũng giảm nhẹ 2,8% làm cho các chỉ tiêu về cơ cấu nợ đều giảm.

Cũng với việc hàng tồn kho tăng trong kỳ, chỉ tiêu về năng lực hoạt động cũng đã giảm thêm so với 2013. Riêng với vòng quay hàng tồn kho, hiện nay con số này đã giảm xuống dưới 1 là một vấn đề cần lưu ý để tập trung khắc phục.



Hoạt động năm 2014 gặp nhiều khó khăn, tiến độ dự án vẫn còn kéo dài, công nợ thu hồi chậm, công ty đang trong bước đầu tái cấu trúc ... đã làm giảm doanh thu, lợi nhuận của công ty. Doanh thu giảm 13,15%, lợi nhuận giảm hơn phân nửa so với năm trước. Các chi phí hoạt động của công ty vẫn còn cao và chưa phát huy hiệu quả. Trang thiết bị, máy móc đã được sử dụng lâu năm và cần phải bảo trì, tu sửa. Năm qua công ty thực hiện tăng lương cho CBCNV theo đúng quy định về lương tối thiểu cũng đã góp phần đẩy chi phí hoạt động lên cao. Chi phí quản lý doanh nghiệp đã được Công ty cố gắng tiết giảm nhưng vẫn còn cao, giá trị của khoản này và chi phí lãi vay là tương đương nhau. Trong 04 chỉ tiêu sinh lời, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu giảm nhiều nhất từ 3,22% năm trước xuống còn 1,16% cho năm nay. Nguyên nhân là trong năm công ty không thực hiện tăng vốn, đồng thời lợi nhuận sau thuế lại giảm so với 2013.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển tương lai



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	TH 2014/2013	TH/KH 2014 (%)
1	Giá trị sản lượng	Triệu đồng	308.480	325.000	287.185	93,10%	88,36%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	221.515	240.000	192.378	86,85%	80,16%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.740	3.500	1.003	36,60%	28,65%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.911	2.730	682	35,70%	24,99%
5	EPS (đồng/ cp)	Đồng	469	668	171	36,46%	24,93%

Năm 2014 tiếp tục là một năm đầy thử thách với Ban lãnh đạo công ty. Hàng tồn kho cao, khách hàng chậm thanh toán, tiến độ công trình kéo dài,... đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Thuận lợi

- Là đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực Chế tạo kết cấu thép và lắp đặt máy móc thiết bị của các công trình Thủy điện, nhiệt điện, xi măng,...
- Nguồn nhân lực trẻ sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khó khăn.
- Công ty đã có định hướng tái cơ cấu lại tổ chức và hoạt động thông qua đề án tái cấu trúc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua.
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam luôn quan tâm, hỗ trợ trong suốt quá trình hoạt động vừa qua.



❖ **Khó khăn**

- Cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước với tiềm lực mạnh về công nghệ và vốn đầu tư.
- Kinh tế chưa thực sự hồi phục do đó năng lực tài chính của khách hàng còn nhiều khó khăn, dẫn đến chậm thanh toán công nợ.
- Tiến độ dự án thường kéo dài vì nhà thầu chậm thanh toán cho các giai đoạn, hồ sơ dự án kéo dài.
- So với nhu cầu hiện tại, vốn chủ sở hữu của công ty đang đứng ở mức thấp, do đó nguồn vốn vay đang được sử dụng để đáp ứng cho việc thực hiện các dự án. Nợ vay trung bình gấp 4 lần vốn chủ sở hữu và chiếm 80% tổng tài sản trong 3 năm qua. Yếu tố này làm tăng chi phí lãi vay của Công ty, và như đã đề cập, với đặc thù của ngành xây dựng, yếu tố thời gian thường bị kéo dài so với dự tính do các yếu tố như phía nhà thầu, việc lập hồ sơ, tiến độ giải ngân,... ảnh hưởng đến vòng quay vốn và chi phí của Công ty.



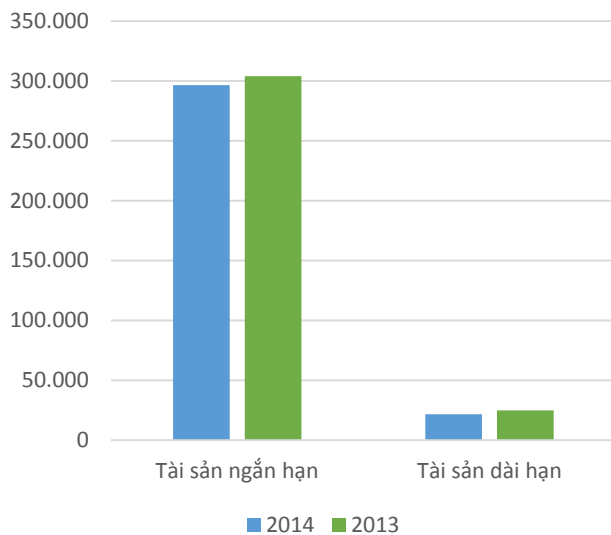
STT	Tên dự án	Thời gian bắt đầu	Dự kiến hoàn thành	Tiến độ đến 31/03/2015
1	NM nước Thủ Đức	T10/2014	T06/2015	80%
2	Thủy điện Vĩnh Hà	T12/2014	T12/2015	50%
3	Thủy điện A Roàng	T03/2014	T09/2015	90%
4	Thủy điện Sông Bung 2	T09/2013	T03/2016	30%
5	Lọc dầu Nghi Sơn	T12/2014	T07/2016	10%
6	Nhiệt điện Thái Bình	T6/2015	T12/2016	-

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2013		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	296.351	93.23%	304.052	92.48%	-2.85%
Tài sản dài hạn	21.532	6.77%	24.804	7.52%	13.19%
TỔNG TÀI SẢN	317.882	100%	329.856	100%	-3.63%



Hàng tồn kho tăng 16,93% so với năm 2013 do các dự án đang trong quá trình hoàn thành chưa bàn giao dẫn đến khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng cao, các khoản phải thu khách hàng giảm xuống đến 36,13% khiến cho tài sản của doanh nghiệp sụt giảm trong năm vừa qua. Năm 2014, Tổng tài sản của công ty giảm 3.63% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình tài sản cố định không có nhiều biến đổi khi nguyên giá tài sản cố định vẫn dừng ở 74,88 tỷ đồng và mức khấu hao định kỳ khoảng 4 tỷ đồng.

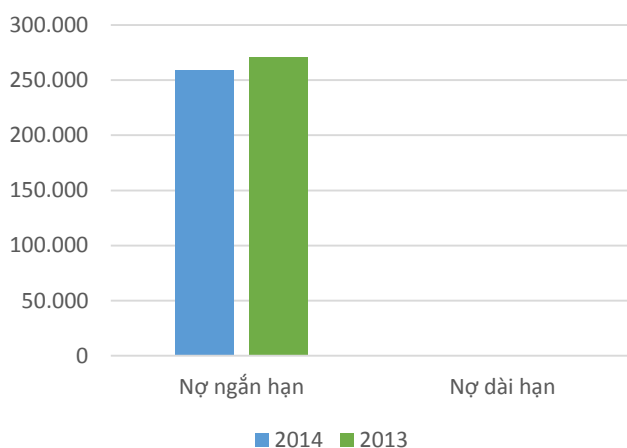
Nợ phải thu của công ty chỉ chiếm còn khoảng 27% trong tài sản ngắn hạn. Tổng nợ phải thu đến 31/12/2014 là 80,1 tỷ đồng, giảm tới 36,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Dự phòng nợ khó đòi hiện nay chỉ chiếm khoảng 2% giá trị các khoản phải thu. Tuy nhiên, tiến trình thu hồi nợ còn chậm và vấp phải một số vướng mắc, chậm trễ từ phía đối tác, chủ đầu tư. Điều này làm quá trình sử dụng vốn công ty chưa đạt hiệu quả cao nhất, làm tăng chi phí sử dụng vốn.



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2013		% Tăng giảm năm 2014/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	259.276	100%	270.511	100%	-4.15%	0%
Nợ dài hạn	0	0	0	0%	0.00%	0%
NỢ PHẢI TRẢ	259.3	100%	270.5	100%	-4.15%	0%



Xét về cơ cấu nợ, công ty không có nợ vay dài hạn trong nhiều năm qua. Nợ phải trả năm nay ở mức 259,27 tỷ đồng, giảm so với năm trước hơn 11 tỷ. Riêng nợ vay tín dụng ngắn hạn giảm hơn 20 tỷ đồng vì công ty thanh toán nợ đến hạn cho bên Ngân hàng và trả hết khoản 6,7 tỷ cho Tổng Công ty Xây dựng số 1, ngoài ra các khoản phải trả liên quan đến người lao động cũng giảm đáng kể vào thời điểm cuối năm qua. Tuy nhiên chi

phí phải trả khác liên quan đến thực thi công trình tăng cao so với năm trước đã kéo nợ phải trả giảm 4,15% so với 2013, trong đó, người mua trả tiền trước tăng đến 73,1% và khoản mục chi phí phải trả tăng gấp đôi. Công ty không tồn tại nợ phải trả xấu.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Được ĐHĐCĐ thường niên 2014 thông qua, Công ty đã bước đầu thực hiện tái cấu trúc Công ty và nâng cao năng lực quản trị cho công ty, bước đầu đã đạt được một số kết quả như sau:

- Giải thể Xí nghiệp lắp máy số 1 và Xí nghiệp lắp máy số 2 trực thuộc Công ty cổ phần Lilama 45.4;
- Sáp nhập một số phòng ban.

Kế hoạch phát triển tương lai

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	So với năm 2014 (%)
1	Giá trị sản lượng	287.185.000.000	340.000.000.000	118,39%
2	Doanh thu	192.378.332.563	250.000.000.000	129,95%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.002.798.597	1.500.000.000	149,58%
4	Thu nhập bình quân người/tháng	6.150.471	6.000.000	97,55%
5	Đầu tư XDCB	1.080.328.963	3.000.000.000	277,69%

✓ **Về công tác thị trường**

- Mở rộng mối quan hệ với các đối tác, tìm kiếm khách hàng tiềm năng.
- Duy trì mối quan hệ và uy tín với các khách hàng hiện tại.
- Ngoài việc duy trì và phát huy mối quan hệ với các khách hàng trong Tổng công ty, trong những năm tới, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp để dẫn nâng số lượng các khách hàng bên ngoài, tạo vị thế vững chắc hơn nữa cho Công ty.

✓ **Về công tác thực hiện dự án**

- Đa số các dự án được Công ty thực hiện đúng tiến độ, tuy nhiên tại một số dự án đặc thù, do chậm thiết kế, chậm giải ngân vốn đầu tư đã ảnh hưởng phần nào đến tiến độ các công trình. Công ty có thể gặp phải một số rủi ro do kéo dài thời gian thực hiện các dự án này.

✓ **Về công tác nhân sự**

- Tiếp tục thực hiện chính sách gắn quyền lợi của người lao động với khối lượng nghiệm thu hoàn thành, nâng cao năng suất lao động. Đối xử công bằng về nghĩa vụ và quyền lợi đối với người lao động. Đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật.
- Áp dụng thang bảng lương và phụ cấp chức danh mới cho người lao động.

✓ **Về đầu tư xây dựng cơ bản**

- Dự kiến đầu tư một số máy móc thiết bị để nâng cao năng lực như: Máy hàn TIG; Máy hàn MIG; Máy siết bu lông; Máy nén khí và một số thiết bị khác...

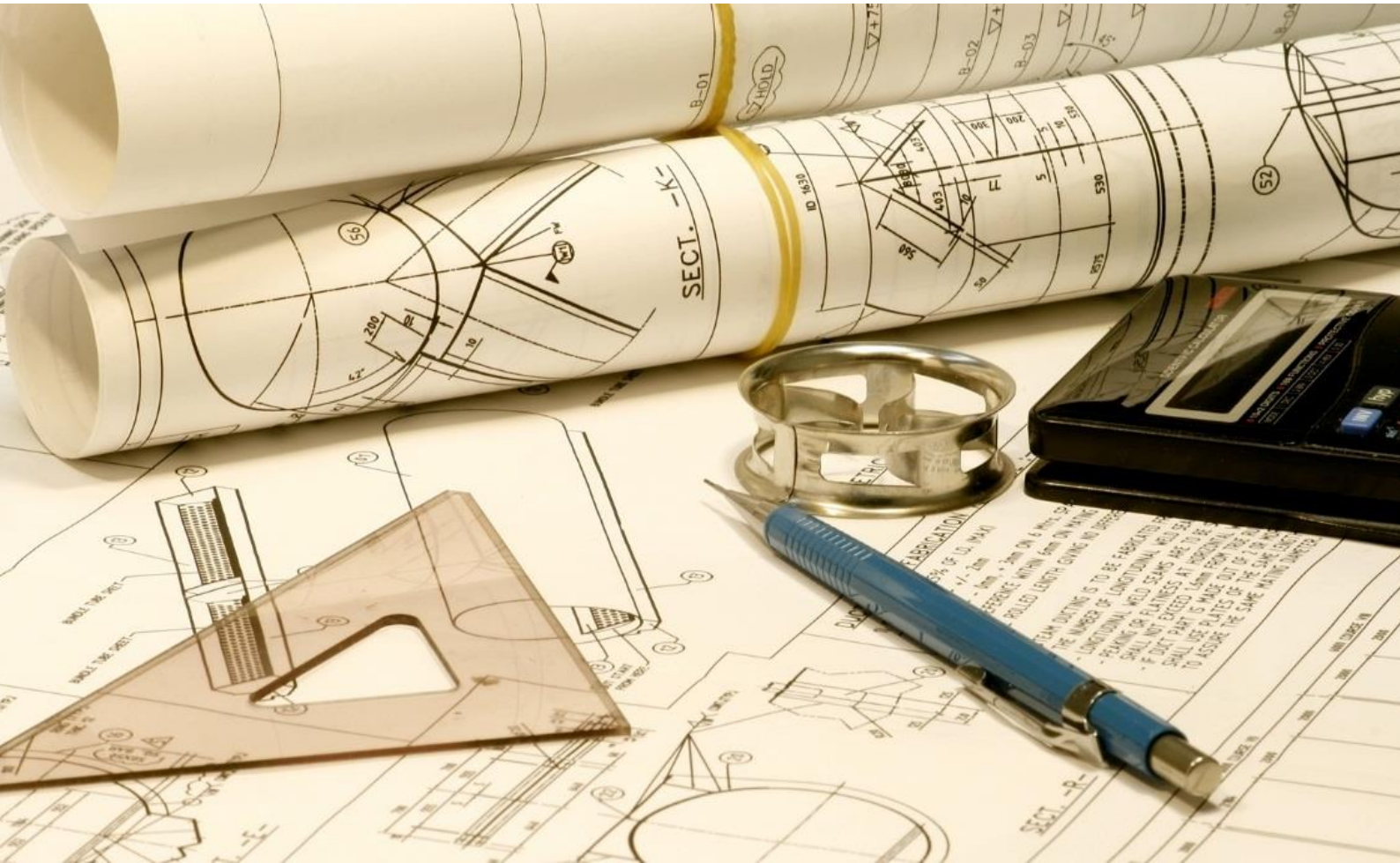
✓ Về tài chính

- Sớm cải thiện tình trạng ứ đọng vốn bằng cách:
- + Tích cực xử lý công nợ phải thu nhất là các công nợ hiện chưa hoàn tất hồ sơ thủ tục thanh toán; Lập danh mục các điểm còn tồn tại, cử cán bộ tập trung khắc phục để sớm thu hồi nợ.
- + Đối với những hạng mục công trình đang dở dang: tăng cường công tác giám sát, quản lý đẩy nhanh tiến độ thi công bàn giao cho Chủ đầu tư; Ưu tiên tập trung vốn vào các công trình, dự án mà chủ đầu tư/Nhà thầu chính có năng lực tài chính tốt để thi công, nghiệm thu, để có thể sớm thu hồi vốn tại các công trình đó.
- + Tích cực tìm kiếm nhà cung cấp có năng lực để hợp tác lâu dài, qua đó, xem xét đàm phán để có chính sách bán hàng thuận lợi, kéo dài được thời hạn thanh toán;
- + Rà soát các hợp đồng, dự án, công trình thi công đã, đang và sẽ triển khai để xem tình hình tài chính của các dự án, đảm bảo các dự án đều có đủ vốn và công tác thanh toán được thuận lợi;
- Tăng cường công tác quản lý sản xuất kinh doanh để đạt được mục tiêu tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận:
- + Quản lý doanh thu:
 - Không ngừng nâng cao năng lực cốt lõi của Công ty: năng lực đấu thầu, năng lực mua sắm thiết bị, năng lực chế tạo lắp đặt để củng cố và tăng cường năng lực cạnh tranh.
 - Nâng cao công tác thị trường, tiếp thị tìm việc: Bên cạnh duy trì những biện pháp mà Công ty đang thực hiện có hiệu quả thì cần phát triển thêm (i) phân tích sâu, cụ thể hơn về môi trường hoạt động SXKD của Công ty để nhận thức rõ điểm mạnh, điểm yếu, thách thức và cơ hội trong công tác thị trường; (ii) phân tích đối thủ cạnh tranh có cùng ngành nghề, trong cùng khu vực, (iii) tìm hiểu, tiếp cận tiến tới tạo dựng mối quan hệ với các khu công nghiệp, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp trong khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ...
- + Quản lý chi phí:
 - Tổ chức và quản lý công tác giao khoán, công tác mua sắm vật tư hợp lý;
 - Sửa đổi và hoàn thiện toàn bộ các quy chế quản trị nội bộ công ty;
 - Tổ chức quyết toán cho tất cả các hợp đồng khoán;
 - Quản lý chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật để phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành.
 - Tổ chức sản xuất, thi công đồng bộ để đảm bảo sản phẩm làm ra, hạng mục công việc hoàn thành phải nghiệm thu được, không làm phát sinh các chi phí ngoài dự toán.
 - Huy động, sử dụng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ lao động trực tiếp hợp lý, hiệu quả, giảm thiểu tình trạng chờ việc gây lãng phí.
 - Quản lý chặt chẽ việc sử dụng máy móc thi công.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị



Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

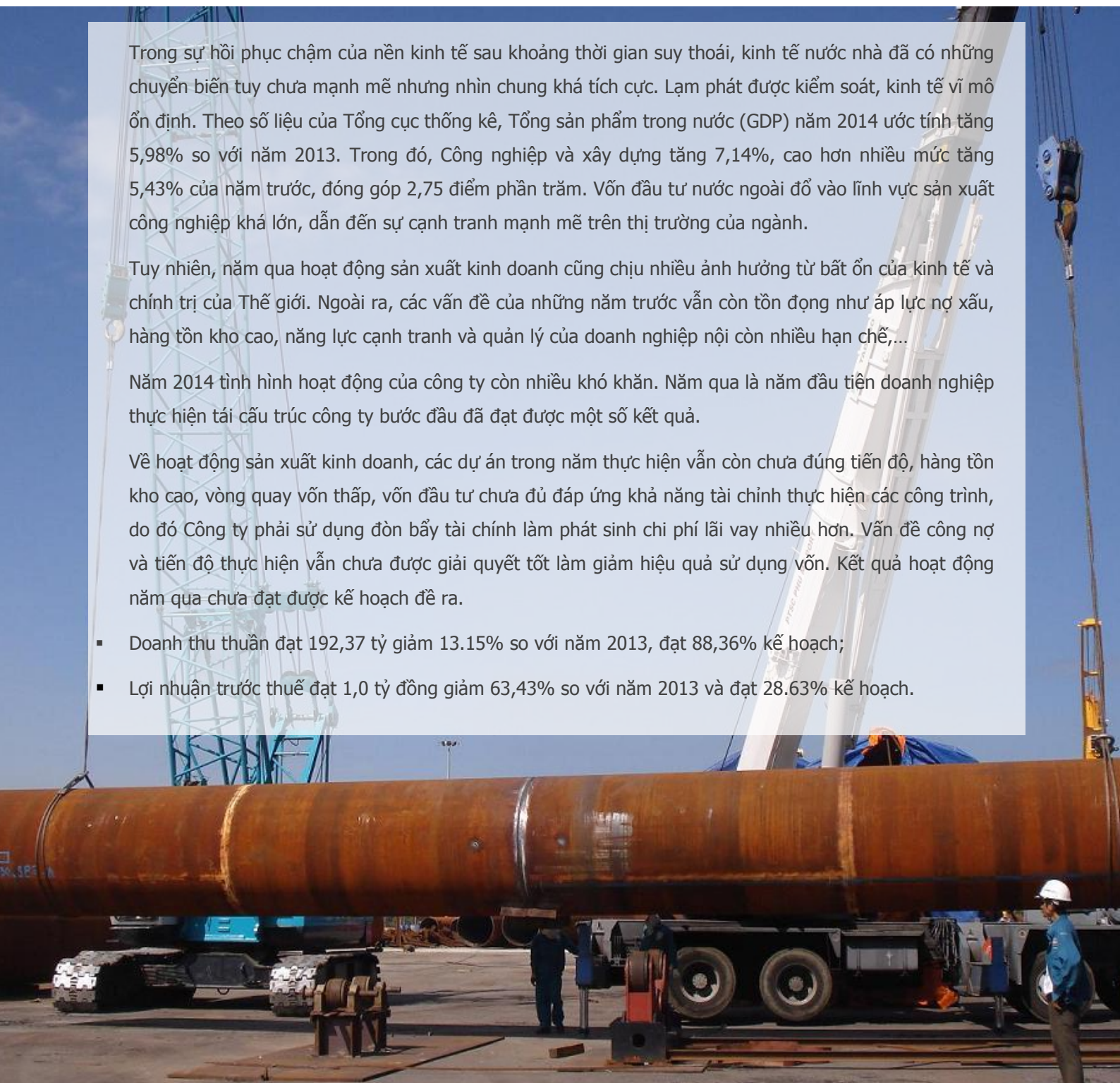
Trong sự hồi phục chậm của nền kinh tế sau khoảng thời gian suy thoái, kinh tế nước nhà đã có những chuyển biến tuy chưa mạnh mẽ nhưng nhìn chung khá tích cực. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013. Trong đó, Công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm. Vốn đầu tư nước ngoài đổ vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp khá lớn, dẫn đến sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường của ngành.

Tuy nhiên, năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh cũng chịu nhiều ảnh hưởng từ bất ổn của kinh tế và chính trị của Thế giới. Ngoài ra, các vấn đề của những năm trước vẫn còn tồn đọng như áp lực nợ xấu, hàng tồn kho cao, năng lực cạnh tranh và quản lý của doanh nghiệp nội còn nhiều hạn chế,...

Năm 2014 tình hình hoạt động của công ty còn nhiều khó khăn. Năm qua là năm đầu tiên doanh nghiệp thực hiện tái cấu trúc công ty bước đầu đã đạt được một số kết quả.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, các dự án trong năm thực hiện vẫn còn chưa đúng tiến độ, hàng tồn kho cao, vòng quay vốn thấp, vốn đầu tư chưa đủ đáp ứng khả năng tài chính thực hiện các công trình, do đó Công ty phải sử dụng đòn bẩy tài chính làm phát sinh chi phí lãi vay nhiều hơn. Vấn đề công nợ và tiến độ thực hiện vẫn chưa được giải quyết tốt làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Kết quả hoạt động năm qua chưa đạt được kế hoạch đề ra.

- Doanh thu thuần đạt 192,37 tỷ giảm 13,15% so với năm 2013, đạt 88,36% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,0 tỷ đồng giảm 63,43% so với năm 2013 và đạt 28,63% kế hoạch.



Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Mặc kết quả của năm qua chưa đạt như mong muốn nhưng Ban giám đốc đã có một năm rất nỗ lực, không ngại khó khăn để giải quyết tốt nhất các công việc của mình.

Đánh giá chung của HĐQT là trong năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, làm việc có trách nhiệm, cẩn trọng, có đủ kiến thức và kinh nghiệm cần thiết liên quan đến hoạt động điều hành và quản lý công ty. Tuy nhiên, trong năm do điều kiện kinh tế và hoạt động công ty còn nhiều khó khăn nên việc điều hành công ty chưa hiệu quả, tổ chức hoạt động chưa đồng bộ nên kết quả đạt được chưa như mong đợi.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

ĐVT: đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ
1	Giá trị sản lượng	287.185.000.000	340.000.000.000	118,39%
2	Doanh thu	192.378.332.563	250.000.000.000	129,95%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.002.798.597	1.500.000.000	149,58%
4	Vốn điều lệ	40.000.000.000	40.000.000.000	100,00%
5	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	2,51%	3,75%	149,58%
6	Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu	0,52%	0,60%	115,10%
7	Nộp NSNN	5.398.740.148	8.962.000.000	166,00%
8	Thu nhập bình quân người/tháng	6.150.471	6.000.000	97,55%
9	Dự kiến chia cổ tức	0%	0%	-
10	Đầu tư XDCB	1.080.328.963	3.000.000.000	277,69%
11	Huy động vốn	155.000.000.000	155.000.000.000	100,00%

Quý I năm 2015, GDP đạt 6,03%, đây là con số cao nhất trong năm năm trở lại đây. Hoạt động sản xuất phục hồi, xuất khẩu tăng trưởng mạnh, vốn FDI đóng góp mạnh mẽ vào kết quả chung của năm trước và đầu năm nay, nền kinh tế bắt đầu hấp thụ vốn từ chính sách tiền tệ nới lỏng. Với sự lạc quan này và các chuyển biến khả quan trong năm 2014, năm 2015 kỳ vọng sẽ sáng sủa hơn với chỉ tiêu GDP đạt 6,2%. Tuy nhiên, nguồn lực nội tại của công ty còn nhiều hạn chế, đòi hỏi Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV phải nỗ lực hết mình để hoàn thành các mục tiêu trong năm mới.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Tổng giám đốc

Thay đổi trong HĐQT, BKS và BTGD

Tình hình nhân sự



Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	Chức danh TVHĐQT tại tổ chức khác	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hoàng Văn Dư	Chủ tịch	Kiểm Tổng giám đốc	Không	195.000	4,875%
Hoàng Văn Hà	Thành viên	Kiểm Phó Tổng giám đốc	Không	36.912	0,923%
Đặng Văn Phúc	Thành viên (miễn nhiệm từ 01/09/2014)	Kế toán trưởng	Không	32.000	0,800%
Hoàng Tuấn Anh	Thành viên (bổ nhiệm từ 01/09/2014)	Kiểm Kế toán trưởng	Không	80.000	2,000%
Đào Văn Cường	Thành viên	Thành viên không điều hành	Không	18.880	0,472%
Vũ Thế Phương	Thành viên	Thành viên không điều hành	Không	6.608	0,165%

Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ/Liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Lê Đình Khanh	Trưởng Ban kiểm soát	500	0,013%
2	Đặng Tiến Toàn	Thành viên	41.176	1,029%
3	Nguyễn Kim Tuấn	Thành viên	20.000	0,50%



Ban Tổng giám đốc (tính đến 31/12/2014)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Hoàng Văn Dư	Tổng giám đốc	195.000	4,875%
2	Tạ Văn Hùng	Phó tổng giám đốc	20.000	0,503%
3	Hoàng Văn Hà	Phó Tổng giám đốc	36.912	0,923%

Lý lịch thành viên Ban Tổng giám đốc**Ông HOÀNG VĂN DƯ – Tổng giám đốc**

Năm sinh: 1957
 Nguyên quán: Tiên Lữ- Hưng Yên
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế, cơ khí
 Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT

Ông TẠ VĂN HÙNG – Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1963
 Nguyên quán: Xã Khánh Thượng, Huyện Yên Mô, Tỉnh Bình Định
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
 Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty.

Ông HOÀNG VĂN HÀ - Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1972
 Nguyên quán: Nghệ An
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
 Thành viên HĐQT- Kiểm Phó tổng giám đốc Công ty.
 Chức vụ hiện nay:

Ông HOÀNG TUẤN ANH – Kế toán trưởng

Năm sinh: 1983
 Nguyên quán: Đà Sơn Đô Lương, Nghệ An
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
 Chức vụ hiện nay: Đà Sơn Đô Lương, Nghệ An



Thay đổi trong HĐQT, BKS và BTGD trong năm 2014

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Lý do
Đặng Văn Phúc	Thành viên HĐQT		(01/09/2014)	Nghỉ hưu
Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	(01/09/2014)		Bầu bổ sung

Tình hình nhân sự

Nhân lực là yếu tố mấu chốt quyết định sự vận hành của một doanh nghiệp và Lilama 45.4 luôn nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong suốt quá trình hoạt động của mình. Đặc biệt, trong giai đoạn kinh tế hội nhập hiện nay, vấn đề nhân lực cần được quan tâm thích đáng để nâng cao khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế. Hiểu được điều này, Ban quản trị Lilama 45.4 luôn chú trọng đầu tư thời gian, sức lực, và các nguồn lực khác để xây dựng một đội ngũ nhân sự nhiệt tình, tận tâm, làm việc hiệu quả.



Cơ cấu lao độngTổng số lao động: **560** người

STT	Tính chất phân loại	2013		2014	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	560		400	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	71	13%	60	15,00%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	319	57%	310	77,50%
3	Khác	170	30%	30	7,50%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	560		400	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	60	11%	65	16,25%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	330	59%	238	59,50%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	170	30%	97	24,25%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2011	5.240.000
2	2012	5.321.000
3	2013	5.763.000
4	2014	6.150.000



Chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

Với sự gắn bó, tận tâm của người lao động trong suốt những năm qua, dù là giai đoạn khó khăn hay hưng thịnh, tập thể cán bộ công nhân viên đã là những người đồng hành tốt nhất của Công ty. Đứng trước yêu cầu thực tiễn về hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo Công ty quyết tâm tạo ra môi trường làm việc tốt để anh em có thể an tâm công tác, gắn kết với Công ty.

- ❖ Đảm bảo CBCNV nhận được đầy đủ quyền lợi lao động theo quy định về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- ❖ Hiện nay công ty đã xây dựng chế độ đãi ngộ mới, gắn liền hiệu quả công việc với thành quả lao động, thúc đẩy người lao động phát huy khả năng tối đa.
- ❖ Đào tạo tay nghề, kiến thức cho người lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- ❖ Tập huấn an toàn lao động cho hầu hết CBCNV, đặc biệt là đơn vị thi công công trình, dự án.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



Cổ phần, cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hoạt động của ban Kiểm soát

Giao dịch, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của
HĐQT, BKS và BTGD

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty



Cổ phần, cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.980.000 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 CP.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/03/2015

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông trong nước	429	3.979.700	99,99%
Cổ đông nước ngoài	3	300	0,01%
Tổng cộng	432	3.980.000	100,00%
Cổ đông lớn	2	2.206.046	55,43%
Cổ đông nhỏ	430	1.773.954	44,57%
Tổng cộng	432	3.980.000	100,00%
Cổ đông tổ chức	7	1.842.618	42,30%
Cổ đông cá nhân	425	2.047.382	57,70%
Tổng cộng	432	3.980.000	100,00%
Cổ đông nhà nước	1	1.842.346	46,29%
Cổ đông khác	431	2.137.654	53,71%
Tổng cộng	432	3.980.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Giao dịch khác

Không có

Hoạt động của Hội đồng Quản trị**Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị**

Xét thấy với quy mô hoạt động hiện nay, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công phụ trách các vấn đề nhân sự, lương thưởng, tài chính, sản xuất kinh doanh, ... cụ thể theo tình hình thực tế của từng thời kỳ.

✓ **Phiên họp 1: Phiên họp thường lệ ngày 20/01/2014**

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý 4 và cả năm 2013.
- Thông qua kế hoạch SXKD quý 1/2014 và cả năm 2014
- Thông qua việc lập BCQT năm 2013, BCTC quý 4/2014, BCTC kiểm toán năm 2013, BCTN năm 2013.
- Thông qua việc ủy quyền người đại diện HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.4 phê duyệt BCTC kiểm toán năm 2013
- Thông qua việc chi tiền thưởng tết Nguyên đán Giáp Ngọ năm 2014 cho CBCNV

✓ **Phiên họp 2: Phiên họp bất thường ngày 03/03/2014**

- Lập báo cáo xin ý kiến của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lắp máy Việt Nam về việc: Cho ý kiến chỉ đạo để các thành viên có thể thay mặt Tổng công ty tham gia ý kiến và biểu quyết các nội dung trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.
- Thông qua kế hoạch, tiến độ công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
- Xây dựng hạn mức vay vốn tín dụng ngắn hạn và hạn mức bảo lãnh năm 2014.
- Thông qua việc ủy quyền người đại diện pháp luật của Công ty ký kết các văn bản trong quan hệ vay vốn, bảo lãnh theo hạn mức năm 2014 tại Ngân hàng TMCP BIDV Đồng Nai



✓ **Phiên họp 3: Phiên họp thường lệ ngày 25/04/2014**

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý 1 năm 2014
- Thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư quý 2 năm 2014
- Thông qua tổng mức đầu tư năm 2014
- Xây dựng kế hoạch quỹ lương và đơn giá tiền lương năm 2014
- Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán và ký hợp đồng Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014

✓ **Phiên họp 5: Phiên họp bất thường ngày 10/07/2014**

- Ủy quyền đại diện vay vốn Ngân hàng (Theo công văn 1078/CV-KHDN1 ngày 09/07/2014: V/v Cấp tín dụng năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai).

✓ **Phiên họp 6: Phiên họp thường lệ ngày 22/08/2014**

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2014
- Thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư Quý 3 năm 2014
- Thông qua kế hoạch thay đổi nhân sự cho thành viên HĐQT nghỉ hưu theo quy định

✓ **Phiên họp 4: Phiên họp bất thường ngày 16/06/2014**

- Giải thể và thu hồi con dấu của XN lắp máy số 1 và Xí nghiệp lắp máy số 2 trực thuộc Công ty cổ phần Lilama 45.4.
- Nâng bậc lương cho Cán bộ lãnh đạo Công ty theo quy định
- Thông qua số liệu xây dựng kế hoạch tài chính năm 2014

✓ **Phiên họp 7: Phiên họp thường lệ ngày 14/11/2014**

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư quý 3 năm 2014
- Đánh giá tiến độ thực hiện dự án tái cấu trúc doanh nghiệp
- Thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư Quý 4 năm 2014
- Chuyển đổi nguồn đầu tư dự án xưởng phun bi
- Sửa đổi Quy chế quản trị tài chính Công ty

✓ **Phiên họp 8: Phiên họp bất thường ngày 08/12/2014**

- Thông qua việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4



Tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hoàng Văn Dư	Chủ tịch	8/8	100%	
2	Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	8/8	100%	
3	Ông Đặng Văn Phúc	Thành viên	6/8	75%	Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2014
4	Ông Đào Văn Cường	Thành viên	8/8	100%	
5	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	8/8	100%	
6	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	2/8	25%	Bổ nhiệm từ ngày 01/09/2014

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2014

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-2014/NQ-HĐQT	20/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua đánh giá thực hiện kế hoạch SXKD quý 4/2013 và cả năm 2013 - Phê duyệt việc lập BCQT năm 2013, BCTC quý 4/2013, BCTC kiểm toán năm 2013, BCTN năm 2013. - Hội đồng quản trị ủy quyền cho ông Hoàng Văn Dư – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lilama 45.4 phê duyệt BCTC kiểm toán năm 2013 - Phê duyệt việc chi tiền thưởng tết Nguyên đán Giáp Ngọ năm 2014
2	02-2014/NQ-HĐQT	03/03/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Lập báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lắp máy Việt Nam về việc: Cho ý kiến chỉ đạo để các thành viên có thể thay mặt Tổng công ty tham gia ý kiến và biểu quyết các nội dung trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2014. - Phê duyệt tiến độ công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. - Phê duyệt kế hoạch xây dựng hạn mức vay vốn lưu động ngắn hạn năm 2014 là 155 tỷ đồng và xây dựng hạn mức bảo lãnh là 150 tỷ đồng. - Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp gần nhất về việc: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng hạn mức vay vốn lưu động ngắn hạn, hạn mức bảo lãnh năm 2014. + Ủy quyền cho Ông Hoàng Văn Dư – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4 người đại diện pháp luật của Công ty ký kết các văn bản trong quan hệ vay vốn, bảo lãnh theo hạn mức năm 2014 với Ngân hàng TMCP BIDV Đồng Nai

3	03-2014/NQ-HĐQT	25/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý 1 năm 2014 - Phê duyệt kế hoạch SXKD quý 2 năm 2014 - Phê duyệt tổng mức đầu tư năm 2014 = 2,50 tỷ đồng - Thông qua việc xây dựng kế hoạch quỹ lương và đơn giá tiền lương năm 2014 - Lựa chọn và ký Hợp đồng số 156/HĐKT/TC-NV10 ngày 25/04/2014 với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2014 của Doanh nghiệp.
4	04-2014/NQ-HĐQT	16/06/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thể và thu hồi con dấu của XN lắp máy số 1 và Xí nghiệp lắp máy số 2 trực thuộc Công ty cổ phần Lilama 45.4. - Nâng bậc lương cho Ông Tạ Văn Hùng – Phó Tổng Giám đốc theo quy định - Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2014 của Công ty
5	05-2014/NQ-HĐQT	10/07/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt hạn mức vay vốn tại BIDV Đồng Nai nhằm thực hiện chiến lược, kế hoạch SXKD năm 2014. Số tiền vay vốn tối đa (bao gồm cả tín dụng, bảo lãnh, mở L/C) là 255 tỷ đồng (hai trăm năm mươi lăm tỷ đồng). - Đồng ý ủy quyền cho Ông Hoàng Văn Dư, Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật được làm đại diện Công ty thực hiện mọi hành vi trong quan hệ vay vốn, bảo lãnh với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai – Gồm các quyền sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Được đề xuất nhu cầu vay vốn, bảo lãnh, mở L/C với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai + Được quyền làm đại diện Doanh nghiệp ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng bảo đảm tiền vay và các giấy tờ khác liên quan đến hoạt động vay vốn, bảo lãnh ... với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai. Mức dư nợ vay và bảo lãnh tối đa được quyền ký kết là: 255 tỷ đồng (hai trăm năm mươi lăm tỷ đồng). + Được quyền dùng tài sản của Doanh nghiệp, tài sản của các thành viên góp vốn và tài sản huy động khác của Bên thứ 3 để cầm cố, thế chấp bảo đảm cho khoản nợ vay, bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai. + Người ủy quyền phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm đã cam kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai tại các hợp đồng vay vốn, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng bảo đảm tiền vay ...
6	06-2014/NQ-HĐQT	22/08/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư 6 tháng đầu năm 2014 - Thông qua việc thay đổi nhân sự cho thành viên HĐQT nghỉ hưu theo quy định. <ul style="list-style-type: none"> + Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (nhiệm kỳ 2011 – 2016) và thôi làm người đại diện phần vốn điều lệ của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tại Công ty CP Lilama 45.4 của Ông Đặng Văn Phúc để nghỉ hưu theo quy định kể từ ngày 01/09/2014 + Cử Ông Hoàng Tuấn Anh làm người đại diện phần vốn điều lệ của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tại Công ty CP Lilama 45.4 và đề cử thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2011 – 2016) thay cho Ông Đặng Văn Phúc kể từ ngày 01/09/2014. + Thực hiện quy trình bổ nhiệm có thời hạn (theo NQ số 313/TCT/HĐTV ngày 05/08/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lắp máy Việt Nam) Ông Hoàng Tuấn Anh, Cử nhân kế toán, Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Lilama 45.4 giữ chức kế toán trưởng thay Ông Đặng Văn Phúc nghỉ hưu theo quy định kể từ ngày 01/09/2014



			+ HĐQT có trách nhiệm trình với Đại hội cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
7	07-2014/NQ-HĐQT	14/11/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư quý 3 năm 2014: - Thông qua việc sửa đổi Quy chế tài chính Công ty phù hợp theo quy định. - Thông qua việc chuyển đổi nguồn vốn đầu tư thiết bị dự án xưởng phun bi (Từ nguồn vốn vay thương mại sang nguồn vốn tự có với giá trị 723 triệu đồng)
8	08-2014/NQ-HĐQT	08/12/2014	Thông qua việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4 – Ông Hoàng Văn Hà – Kỹ sư chế tạo máy.
9	01-2014/QĐ-HĐQT	04/04/2014	Thành lập tiểu ban nhân sự phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
10	02-2014/QĐ-HĐQT	25/04/2014	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2014 là 213 đồng tính trên 1000 đồng doanh thu
11	03-2014/QĐ-HĐQT	16/06/2014	Nâng bậc lương cho Ông Tạ Văn Hùng – Phó Tổng Giám đốc theo quy định
12	04-2014/QĐ-HĐQT	16/06/2014	Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2014
13	05-2014/QĐ-HĐQT	25/06/2014	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng xưởng phun bi và kế hoạch đấu thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị
14	06-2014/QĐ-HĐQT	27/06/2014	Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán dự án xưởng phun bi.
15	07-2014/QĐ-HĐQT	27/06/2014	Giải thể và thu hồi con dấu của Xi nghiệp lắp máy số 1 và xí nghiệp lắp máy số 2 trực thuộc Công ty
16	08-2014/QĐ-HĐQT	08/07/2014	Phê duyệt giá nhà thầu cung cấp thiết bị phun bi
17	10-2014/QĐ-HĐQT	28/08/2014	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng ông Đặng Văn Phúc để hưởng chế độ hưu trí theo quy định kể từ ngày 01/09/2014
18	11-2014/QĐ-HĐQT	28/08/2014	Bổ nhiệm có thời hạn ông Hoàng Tuấn Anh giữ chức Kế toán trưởng thay cho Ông Đặng Văn Phúc kể từ ngày 01/09/2014
19	12-2014/QĐ-HĐQT	08/12/2014	Bổ nhiệm lại có thời hạn Ông Hoàng Văn Hà, Kỹ sư chế tạo máy, Thành Viên Hội đồng quản trị kiêm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4
20	12-2014/QĐ-HĐQT	08/12/2014	Phê duyệt dự toán sửa chữa xe cẩu 50T-TADANO TG-500 (BS: 60LA – 0119) với giá trị; 451,62 triệu đồng



Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị cùng với các thành viên khác như đã nêu. Tại cuộc họp, các thành viên trao đổi và đưa ra ý kiến độc lập, thẳng thắn dựa trên tình hình hoạt động thực tế của công ty nhằm đưa ra giải pháp thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không có

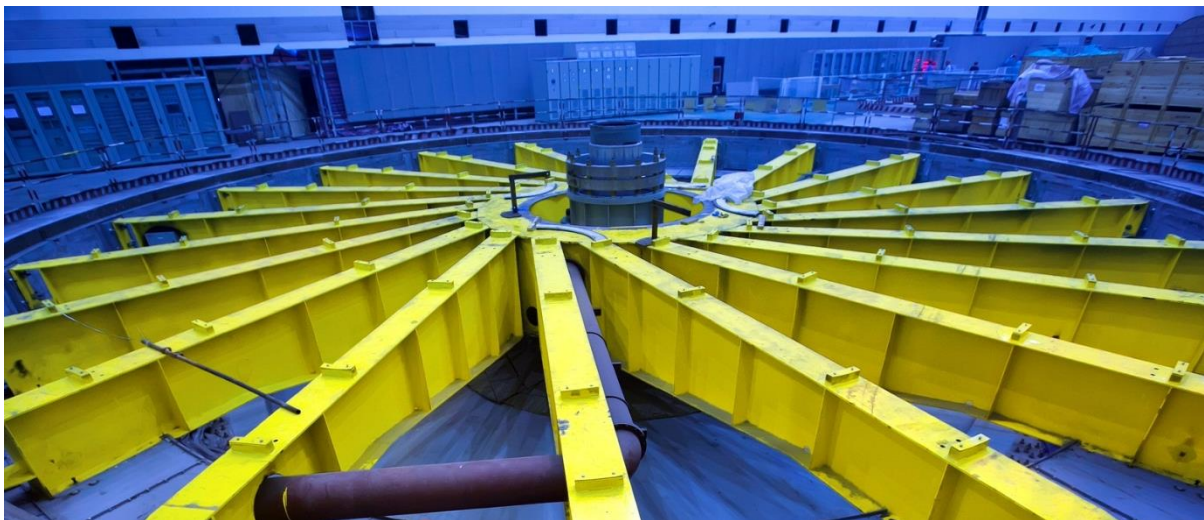


Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2014 như sau:

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2014.
- Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2014.
- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2014 và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị, kết luận của Ban kiểm soát trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- Kế hoạch công tác năm 2015 của Ban kiểm soát.

Bên cạnh đó, để nắm bắt cụ thể, kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát đã tham dự một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị, có tham gia phát biểu ý kiến tại cuộc họp.



Giao dịch, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BTGD

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Tổng cộng
Hội đồng quản trị					
1	Hoàng Văn Dư	Chủ tịch	159.959.000	55.200.000	215.159.000
2	Hoàng Văn Hà	Thành viên	149.000.000	41.400.000	190.400.000
3	Đặng Văn Phúc	Thành viên (miễn nhiệm từ 01/09/2014)	77.786.000	27.600.000	105.386.000
4	Đào Văn Cường	Thành viên	34.340.000	41.400.000	75.740.000
5	Vũ Thế Phương	Thành viên	82.387.000	41.400.000	123.787.000
6	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên (bổ nhiệm từ 01/09/2014)	90.393.000	13.800.000	104.193.000
Ban kiểm soát					
1	Lê Đình Khanh	Trưởng ban	-	41.400.000	41.400.000
2	Đặng Tiến Toàn	Thành viên	84.000.000	27.600.000	111.600.000
3	Nguyễn Kim Tuấn	Thành viên	94.881.000	27.600.000	122.481.000
Thư ký công ty					
1	Phan Thị Thanh Thủy	Thư ký công ty	88.090.000	27.600.000	115.690.000
Ban Tổng giám đốc					
1	Hoàng Văn Dư	Tổng Giám đốc	Xem thông tin tại phần HĐQT		/
2	Tạ Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	149.000.000	-	149.000.000
3	Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Xem thông tin tại phần HĐQT		/

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Văn Dư	Chủ tịch HĐQT	150.000	3,75%	195.000	4,875%	Mua
2	Hoàng Tuấn Anh	TV HĐQT	0	0	80.000	2,00%	Mua
3	Đặng Tiến Toàn	TV BKS	11.176	0,28%	41.176	1,029%	Mua
4	Nguyễn Kim Tuấn	TV BKS	10.000	0,25%	20.000	0,50%	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

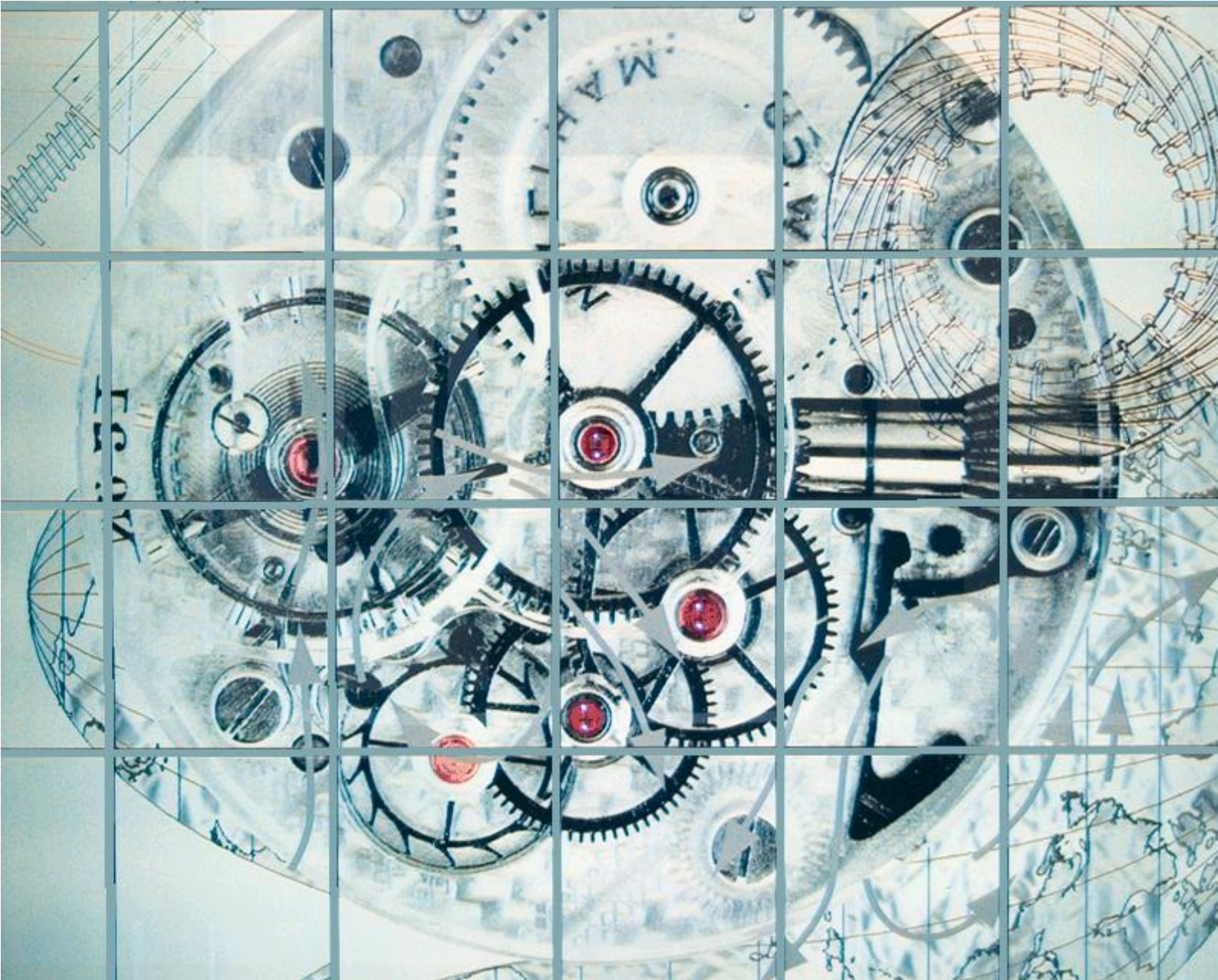
Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Các hoạt động quản trị của công ty thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị nội bộ và văn bản pháp luật có liên quan.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty cổ phần LILAMA 45.4

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 45.4

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần LILAMA 45.4 được lập ngày 17 tháng 01 năm 2015, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần LILAMA 45.4 tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TÔNG THỊ BÍCH LAN

Phó Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0060-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGUYỄN TRUNG KIẾN

Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2349-2014-126-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		296.351.070.997	305.052.158.732
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.723.738.919	2.546.585.703
1. Tiền	111	V.01	8.723.738.919	2.546.585.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		80.150.361.499	125.483.951.372
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	75.706.392.939	121.242.049.313
2. Trả trước cho người bán	132		5.732.969.827	4.399.527.340
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	317.489.777	1.200.643.963
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1.606.491.044)	(1.358.269.244)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	206.301.667.338	176.428.486.412
1. Hàng tồn kho	141		206.802.189.589	176.428.486.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(500.522.251)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.175.303.241	593.135.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.334.060	7.686.022
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		33.193.560	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.137.775.621	585.449.223
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.531.848.203	24.804.281.330
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.312.999.727	23.399.734.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	16.251.170.764	20.418.234.734
- Nguyên giá	222		74.887.071.385	74.763.253.203
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(58.635.900.621)	(54.345.018.469)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	1.080.328.963	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	242		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.218.848.476	1.404.546.596
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.218.848.476	1.404.546.596
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		317.882.919.200	329.856.440.062



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		259.276.137.045	270.510.714.288
I. Nợ ngắn hạn	310		259.276.137.045	270.510.714.288
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	154.831.778.944	175.192.500.169
2. Phải trả người bán	312	V.11	31.390.528.012	30.260.934.839
3. Người mua trả tiền trước	313		40.968.404.233	23.667.028.132
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.743.076.046	3.487.682.811
5. Phải trả công nhân viên	315		3.805.716.000	9.369.967.000
6. Chi phí phải trả	316	V.13	9.393.385.414	4.647.517.151
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HDXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	13.576.641.023	22.679.112.479
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		566.607.373	1.205.971.707
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.606.782.155	59.345.725.774
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	58.606.782.155	59.345.725.774
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(282.000.000)	(282.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.176.461.075	10.800.314.965
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		520.644.563	520.644.563
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.966.856.036	1.872.819.509
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.704.820.481	2.913.946.737
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		317.882.919.200	329.856.440.062

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuế ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		865.512.054	865.512.054
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- USD			556.780	179.14
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh

Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Dư

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16	192.378.332.563	221.514.778.979
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.17	192.378.332.563	221.514.778.979
4. Giá vốn hàng bán	11	V.18	162.489.416.174	185.183.792.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.888.916.389	36.330.986.839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	628.062.287	1.536.225.442
7. Chi phí tài chính	22	V.20	14.604.843.594	18.728.375.962
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.604.843.594	18.727.133.054
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.110.596.680	15.636.834.712
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.801.538.402	3.502.001.607
11. Thu nhập khác	31		256.703.550	1.680.859.793
12. Chi phí khác	32		1.055.443.355	2.442.799.105
13. Lợi nhuận khác	40		(798.739.805)	(761.939.312)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.002.798.597	2.740.062.295
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	320.654.550	829.331.747
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		682.144.047	1.910.730.548
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		171	480

Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Dư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	274.542.190.825	268.843.426.016
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(180.561.804.566)	(224.340.137.800)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.950.795.000)	(49.689.833.253)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(16.863.143.694)	(18.346.750.054)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.927.366.683)	(1.179.039.876)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	835.652.940	352.452.857
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.322.434.523)	(17.049.901.757)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	26.752.299.299	(41.409.783.867)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21	(842.487.145)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	628.062.287	1.532.673.702
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(214.424.858)	1.532.673.702
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	160.153.281.829	225.355.197.759
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(180.514.003.054)	(181.548.196.792)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.786.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(20.360.721.225)	41.021.000.967
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.177.153.216	1.143.890.802
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.546.585.703	1.402.694.901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.723.738.919	2.546.585.703

Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Hoàng Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Dư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần LILAMA 45.4 là Công ty cổ phần, tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 45-4, là Đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty lắp máy Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/02/2015 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã lộ Hà Nội, phường Bình Đa, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Bán buôn sắt, thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Xây dựng, lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.



2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp):

1.2. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được ghi nhận là khoản tương đương tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, bao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/4/2014 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.



5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tổng chi phí lãi vay vốn hóa/tổng lãi vay phát sinh trong kỳ là 0%.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí tiền thuê đất trả trước nhiều năm;
- Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;



Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Quý khách thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm và được dùng để bổ sung vốn điều lệ;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày:

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phải sinh.



Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phần bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần; hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

14. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại mục VII.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
1 . Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	23.992.000	21.264.000
Tiền gửi ngân hàng	8.699.746.919	2.525.321.703
Cộng	8.723.738.919	2.546.585.703
2 . Phải thu khách hàng		
BQLDA Thủy điện 6 - Đồng Nai 3	1.491.061.498	2.573.753.098
BQLDA Thủy điện 6 - Đồng Nai 4	-	6.359.269.268
BQLDA Thủy điện 7 - An Khê Kanax	4.681.640.999	7.980.242.849
HuBei Second Electric (ND Vĩnh Tân 2)	2.078.324.494	2.343.102.988
Công ty CP Cơ khí 4 & XD Thăng Long	1.132.659.007	5.971.625.061
Công ty CHENGDA - Mặt bằng DH3	11.722.953.332	22.841.484.066
Công ty CP Thủy điện Miền Trung - A Lưới	3.720.498.195	7.120.498.195
Công ty CP Thủy điện S.B.hạ (BQLDA TĐ 7)	1.308.511.508	11.744.916.641
Công ty CP TVXD Điện 1 - Thủy điện Sông Bung 5	-	5.548.940.736
TCT - Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng	3.166.175.913	2.195.827.143
Công ty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân	1.134.237.738	4.477.380.947
SINOHYDRO - TĐ Sông Bung 4	-	1.731.053.358
TCTLMNN - DAXM Thăng Long	-	3.528.355.174
TCTXD Số 1 - DA Thủy điện ĐAKRTH	4.039.364.647	7.559.901.178
Các khách hàng khác	41.230.965.608	29.265.698.611
Cộng	75.706.392.939	121.242.049.313
3 . Các khoản phải thu khác		
Phải thu khác	317.489.777	1.200.643.963
- Nguyễn Ngọc Lân	204.300.777	204.300.777
- DNTN Thanh Trúc	-	994.826.186
- Phạm Tài Bình	111.672.000	-
- Phải thu khác	1.517.000	1.517.000
Cộng	317.489.777	1.200.643.963
4 . Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	5.664.825.125	8.459.026.984
Công cụ, dụng cụ	117.838.078	152.322.184
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	201.019.526.386	167.817.137.244
Cộng giá gốc hàng tồn kho	206.802.189.589	176.428.486.412
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500.522.251)	-
Giá trị thuần hàng tồn kho cuối kỳ	206.301.667.338	176.428.486.412
5 . Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	1.137.775.621	585.449.223
Cộng	1.137.775.621	585.449.223

6 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	17.614.784.229	22.397.375.703	34.335.024.176	416.069.095	74.763.253.203
Số tăng trong kỳ	-	60.000.000	-	63.818.182	123.818.182
- Mua trong năm	-	60.000.000	-	63.818.182	123.818.182
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	17.614.784.229	22.457.375.703	34.335.024.176	479.887.277	74.887.071.385
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	11.331.612.240	18.350.582.018	24.328.598.211	334.226.000	54.345.018.469
Số tăng trong kỳ	913.888.000	1.298.986.462	2.021.124.141	56.883.549	4.290.882.152
- Khấu hao trong kỳ	913.888.000	1.298.986.462	2.021.124.141	56.883.549	4.290.882.152
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.245.500.240	19.649.568.480	26.349.722.352	391.109.549	58.635.900.621
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	6.283.171.989	4.046.793.685	10.006.425.965	81.843.095	20.418.234.734
Tại ngày cuối kỳ	5.369.283.989	2.807.807.223	7.985.301.824	88.777.728	16.251.170.764

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.271.070.513 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.718.737.237 đồng

7 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình		Đơn vị tính: đồng	
Khoản mục	Quyền sử sử dụng đất	Cộng	
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000	
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000	
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000	

8 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Xây dựng cơ bản dở dang	1.080.328.963	-
- Xưởng Phụ Bì	1.080.328.963	-
Mua sắm tài sản cố định	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Cộng	1.080.328.963	-

9 - Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phi bảo lãnh thực hiện công trình	824.897.558	490.771.080
Sửa chữa tài sản cố định	44.000.000	-
Tiền thuê đất xưởng cơ khí	146.503.500	193.819.500
Phi hạ tầng nhà máy cơ khí	-	219.201.000
Công cụ dụng cụ	203.447.418	500.755.016
Cộng	1.218.848.476	1.404.546.596



10 . Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay ngắn hạn	154.831.778.944	173.224.254.319
- Ngân hàng DT&PT Đồng Nai ⁽¹⁾	154.831.778.944	166.499.509.556
- Tổng Công ty Xây dựng số 1	-	6.724.744.763
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.968.245.850
Cộng	154.831.778.944	175.192.500.169

⁽¹⁾ Vay Ngân hàng DT&PT Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 23/2014/378522 ngày 07/07/2014, Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay được xác định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, lãi được trả hàng tháng.

11 . Phải trả người bán	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
DNTN Thanh Trúc	9.211.146.859	7.015.072.872
Chi nhánh Công ty CPTM & TV Tân Cơ	-	1.025.468.449
Công ty TNHH Thép IPC - Sài Gòn	1.685.134.522	540.754.427
Cty CP Quốc tế Sao Việt	3.761.471.225	-
CTY TNHH XD HIẾN LONG	1.308.141.971	-
Cty CP Thép Bình Nguyên	691.130.795	-
Cty CP Đầu tư TM Hồng Phong	708.400.000	-
Công ty CP BV Hoàng Long Hải	132.621.500	184.800.000
CTY TNHH SX TM DV TÂN GIANG	691.003.750	-
CTY TNHH SX TM & XD ĐIỆN MINH HOÁ	496.111.509	-
Công ty cổ phần TM T.E.M	473.702.352	357.915.120
Công ty CP XD & KDVT (C&T)	-	3.329.199.340
Công ty cổ phần Công nghiệp - E Nhất	270.899.670	770.899.670
Công ty TNHH Cơ khí Hải Yến	497.930.000	897.930.000
Công ty TNHH IPC - Hà Nội	600.000.000	800.000.000
Công ty TNHH TM Hùng Phát	157.602.735	318.085.607
Công ty CP TBCông nghệ Triệu Tin	397.826.000	-
Công ty TNHH Vận tải TM Trường Phú	-	474.240.679
DNTN Đảo Vinh Hạnh	2.002.846.716	2.190.655.544
Công ty TNHH Hưng Hải Phát	167.055.259	-
Các nhà cung cấp khác	8.137.503.149	12.355.913.131
Cộng	31.390.528.012	30.260.934.839

12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.256.844.753	1.333.749.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.573.518.573
Thuế thu nhập cá nhân	109.547.900	485.912.900
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	94.501.776	94.501.776
Cộng	4.743.076.046	3.487.682.811



13 . Chi phí phải trả

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Thủ lao phải trả HĐQT, BKS	345.000.000	185.100.000
Chi phí công trình điện gió Bạc Liêu	-	2.425.818.182
Chi phí công trình Cầu vượt ngã Ba Vũng Tàu	300.061.727	1.104.089.000
Chi phí công trình Trạm biến áp Phú Mỹ	3.372.465.712	-
Chi phí công trình Formosa Hà Tĩnh	3.661.881.435	-
Chi phí công trình Thủy điện Yan tann sien	452.843.379	-
Chi phí các công trình khác	1.261.133.161	932.509.969
Cộng	9.393.385.414	4.647.517.151

14 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Kinh phí công đoàn	70.281.654	140.235.144
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.580.939.159	2.734.421.628
Bảo hiểm thất nghiệp	2.041.936.346	1.766.814.430
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.883.463.864	18.037.641.277
- <i>Nợ tiền hoàn ứng các tổ đội công trình</i>	<i>2.444.769.670</i>	<i>7.230.460.366</i>
- <i>Quy tình thương</i>	<i>236.158.180</i>	<i>257.963.180</i>
- <i>Thu tiền khu cư xá</i>	<i>322.670.903</i>	<i>322.670.903</i>
- <i>Tiền ứng hộ các tổ chức xã hội</i>	<i>49.694.762</i>	<i>49.694.762</i>
- <i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>	<i>6.766.000.000</i>	<i>5.572.000.000</i>
- <i>Lãi vay phải trả</i>	<i>-</i>	<i>2.258.300.100</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>64.170.349</i>	<i>64.170.349</i>
- <i>Cục thuế Đồng Nai</i>	<i>-</i>	<i>2.282.381.617</i>
Cộng	13.576.641.023	22.679.112.479

15 . Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 23 của Báo cáo này)

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	18.423.460.000	20.673.460.000
Vốn góp của cổ đông khác	21.576.540.000	19.326.540.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

15.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.980.000</i>	<i>3.980.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/l cổ phiếu		

15.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	682.144.047	1.910.730.548
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-682.144.047	1.910.730.548
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	171	180

15.1
15.2
15.3
15.4



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
16 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	192.378.332.563	221.514.778.979
Cộng	192.378.332.563	221.514.778.979
17 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	192.378.332.563	221.514.778.979
Cộng	192.378.332.563	221.514.778.979
18 . Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động xây lắp	162.489.416.174	185.183.792.140
Cộng	162.489.416.174	185.183.792.140
19 . Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	627.763.287	1.529.747.510
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.551.740
Lãi bán ngoại tệ	299.000	2.926.192
Cộng	628.062.287	1.536.225.442
20 . Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	14.604.843.594	18.727.133.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.242.908
Cộng	14.604.843.594	18.728.375.962
21 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.002.798.597	2.740.062.295
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế TNDN	454.722.083	577.264.693
b1. Khoản điều chỉnh tăng	454.722.083	577.264.693
-Chi phí không hợp lý hợp lệ	454.722.083	577.264.693
b2. Khoản điều chỉnh giảm:	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a+b)	1.457.520.680	3.317.326.988
d. Thuế TNDN phải nộp (c*22%)	320.654.550	829.331.747
22 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	81.196.135.527	95.976.113.339
Chi phí nhân công	38.614.910.375	48.583.582.405
Chi phí khấu hao	4.290.882.152	5.159.566.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.053.485.478	86.439.472.231
Chi phí bằng tiền khác	10.021.807.182	13.596.472.233
Cộng	202.177.220.714	249.755.206.429

11/01/2015 10:35:12 AM



VII - NHỮNG THỐNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	7.925.799.279
2	Công ty cổ phần Lilama 69.1 Phả Lại	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	15.749.984.978
			Thu tiền khối lượng	1.022.307.919
3	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ông	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	30.000.000
4	Công ty cổ phần Lilama 45.3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	48.582.600
5	Công ty cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Doanh thu thực hiện	9.753.364.116
6	Công ty cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Tạm ứng tiền khối lượng	3.000.000.000
			Doanh thu thực hiện	10.032.084.819
			Thu tiền khối lượng	1.014.064.479

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (đồng)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ		
		Nhiệt điện Vũng Áng	Phải thu khách hàng	3.166.175.913
		Dự án Wartsila	Phải thu khách hàng	88.069.936
		Dự án Nghi Sơn	Phải thu khách hàng	(4.504.203.308)
2	Công ty cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty		
		Nhà máy Giấy Đồng Nai	Phải thu khách hàng	103.420.461
		Trạm Phú Mỹ 2	Phải thu khách hàng	10.021.228.822
		Thủy điện Vĩnh Hà	Trả trước cho người bán	713.817.500
3	Công ty cổ phần Lilama 7	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	82.500.000
4	Công ty cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	7.728.700.528
5	Công ty cổ phần Lilama Thí nghiệm cơ điện	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán	(73.336.300)
Tổng cộng				17.326.373.552

51
N
TC
D
T
L



* Thu nhập Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký trong năm 2014

TT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị tính: đồng	
			Tiền lương	Thù lao
1	Hoàng Văn Dư	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	191.950.800	55.200.000
2	Hoàng Văn Phúc	Nguyên Thành viên HĐQT - KTT	77.786.000	27.600.000
3	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	108.471.600	13.800.000
4	Đào Văn Cường	Thành viên HĐQT	41.208.000	41.400.000
5	Hoàng Văn Hà	Thành viên HĐQT - P. Tổng Giám đốc	178.960.800	41.400.000
6	Vũ Thế Phương	Thành viên HĐQT	98.864.400	41.400.000
7	Lê Đình Khanh	Trưởng BKS	-	41.400.000
8	Đặng Tiến Toàn	Thành viên BKS	100.800.000	27.600.000
9	Nguyễn Kim Tuấn	Thành viên BKS	113.857.200	27.600.000
10	Phan Thị Thanh Thủy	Thư ký	105.708.000	27.600.000
Tổng cộng			1.017.606.800	345.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là xây lắp trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

3. Công cụ tài chính

3.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ trừ đi lỗ lũy kế).

3.2 Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.12.

3.3 Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	12/31/2014 đồng	1/1/2014 đồng	12/31/2014 đồng	1/1/2014 đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.723.738.919	2.546.585.703	8.723.738.919	2.546.585.703
Phải thu khách hàng	75.706.392.939	121.242.049.313	74.691.812.195	120.173.780.069
Trả trước cho người bán	5.732.969.827	4.399.527.340	5.141.059.527	4.109.527.340
Phải thu khác	317.489.777	1.200.643.963	317.489.777	1.200.643.963
Cộng	90.480.591.462	129.388.806.319	88.874.100.418	128.030.537.075
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	31.390.528.012	30.260.934.839	31.390.528.012	30.260.934.839
Người mua trả tiền trước	40.968.404.233	23.667.028.132	40.968.404.233	23.667.028.132
Chi phí phải trả	9.393.385.414	4.647.517.151	9.393.385.414	4.647.517.151
Các khoản phải trả khác	13.576.641.023	22.679.112.479	13.576.641.023	22.679.112.479
Các khoản vay	154.831.778.944	175.192.500.169	154.831.778.944	175.192.500.169
Cộng	250.160.737.626	256.447.092.770	250.160.737.626	256.447.092.770

02/11/2014
T. L. H. H. A. T. V.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được đo không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoài trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

10/10/2015



Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2014 được thuyết minh tại V.06 và V.10

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 45.4 ngày 28/01/2015: Ông Hoàng Văn Dư thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 29/01/2015 để tập trung thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần LILAMA 45.4. Bổ nhiệm Ông Nguyễn Bá Sùng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.4 kể từ ngày 29/01/2015. Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán đến thời điểm lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 chuyển sang ngày 01/01/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

<p>Người lập biểu</p>  <p>Phan Thị Thanh Thủy</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Hoàng Tuấn Anh</p>	<p>Đồng Nai, ngày 17 tháng 01 năm 2015</p> <p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Hoàng Văn Dư</p>
--	---	---

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ năm 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2014 được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ Cổ đông trên website của công ty

<http://lilama454.com.vn/Shareholders.aspx>

TP. Biên Hòa, ngày tháng 04 năm 2015
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN BÁ SỨNG

